

# NGŨ LỤC BỒ ĐỀ ĐẠT MA

Nguyễn Hào (Thị Giới) dịch



## LỜI MỞ ĐẦU

Nền tảng của Phật giáo Việt Nam là Thiền. Thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi đặc Pháp với Tam Tổ Tăng Xán là người đầu tiên truyền Thiền vào Việt Nam và lập nên phái thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Và thông điệp Thiền đã được Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem vào Trung Hoa, truyền qua Huệ Khả, qua Tăng Xán... để rồi đâm hoa kết trái nhanh chóng trong nhiều quốc độ trong đó có Việt Nam.

Do đó việc dịch cuốn Ngũ Lục Bồ Đề Đạt Ma ra Việt ngữ không phải là việc dư thừa. Duy có một điều đây là một việc làm quá táo bạo ví như có một người muốn vẽ trên Yên Tử mang xuống nhân gian một mảnh mây trời.

Chúng tôi cũng nghĩ rằng dịch các tác phẩm Phật giáo là một trong những đóng góp vào tương lai Phật giáo cũng như đất nước. Chúng ta đã có một gia tài vô giá đó là Phật giáo Việt Nam với truyền thống Thiền. Ngày xưa cha ông chúng ta đã xây dựng một đất nước vinh quang trong ánh sáng Thiền...

Khởi sự và Cứu cánh của Phật giáo là nhìn thấy thực tại. Thiền là phương pháp để nhìn thấy thực tại. Nhìn thấy thực tại để thấy rằng sóng không ngoài nước, để tự tại hơn giữa cuộc đời, để yêu thương chân thật hơn, và có sẵn áo ra chơi giữa chợ đời thì cũng với một lòng vị tha vô ngã.

Vì vậy chúng tôi không mong tác phẩm này sẽ cung cấp thêm một số kiến thức về Thiền, về Phật giáo cho người đọc.

Quyển sách này gồm bốn luận của Bồ Đề Đạt Ma là: Đại Thừa Nhập Đạo Tứ Hạnh Quán, Huyết Mạch Luận, Ngũ Tánh Luận và Pháp Tướng Luận. Nhiều học giả đồng ý rằng Đại Thừa Nhập Đạo Tứ Hạnh Quán là do chính Bồ Đề Đạt Ma truyền dạy, còn ba luận kia là do người đời sau viết ra. Sau khi những động Đôn Hoàng được khai quật người ta biết chắc rằng dù những luận trên nếu không do Bồ Đề Đạt Ma trực tiếp dạy thì cũng do những đồ đệ rất gần của ngài viết ra vào thế kỷ thứ bảy và thứ tám. Dù sao những luận này cũng không ra ngoài dòng huyết mạch của Bồ Đề Đạt Ma: Đó là dòng Tổ Sư Thiền. Pháp yếu của Tổ Sư Thiền do Tổ sư Đạt Ma truyền bao hàm trong bài kệ sau đây:

*Tổ sư Đạt Ma,  
Từ Tây qua đây,  
Chẳng vướng danh ngôn,  
Không dựa tu chứng.  
Chỉ thẳng vào tâm,  
Thấy tánh thành Phật.*

*(Đạt Ma Tổ Sư,  
Tây lai thủ độ,  
Bất thiệp danh ngôn,  
Bất lập tu chứng.  
Duy trực chỉ nhân tâm,  
Kiến tánh thành Phật.)*

*(Thành Như Cổ Sơn Văn Lục)*

Pháp môn Tổ Sư Thiền này khác với pháp môn Thiền chỉ y theo kinh giáo, tu tĩnh tâm, khán tịnh. Bồ Đề Đạt Ma dạy vượt qua ngôn ngữ, lấy Trí tuệ tánh Không chặt đứt mọi phân biệt đối đãi, mọi vọng niệm, mọi vướng mắc ràng buộc.

Theo truyền thống Tổ Sư Thiền, pháp môn này không phải do Bồ Đề Đạt Ma khởi xướng, mà được chính đức Phật truyền dạy. Trong Pháp hội Linh Sơn, một hôm đức Phật dạy: "Ta có Chánh Pháp Nhân Tạng, Niết Bàn Diệu Tâm, Thực Tướng Vô Tướng, Vi Diệu Pháp Môn (Vấn Phật Quyết Nghi Kinh), nay giao lại cho Ma Ha Ca Diếp." Và pháp môn này truyền đến Bồ Đề Đạt Ma.

Trong dòng sông lớn này, bao nhiêu vị nhục thân Bồ Tát đã xuất hiện, vô số chúng sanh được độ thoát, vô số con người ra khỏi khổ đau, và nhiều xã hội, thời đại được thái bình hạnh phúc.

Bản dịch này chắc chắn còn nhiều sai sót. Do đó chúng tôi có in thêm bản Hán văn và phần âm Hán để quý vị độc giả đối chiếu. Xin quý vị độc giả lượng thứ và mong trong tương lai có nhiều bản dịch hoàn hảo hơn.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

## **NGÀI BỒ ĐỀ ĐẠT MA**

Theo truyền thống Thiền tông, vào thế kỷ thứ năm, ngài Bồ Đề Đạt Ma vào Trung Hoa để dạy Thiền. Cho đến ngày nay, có một số học giả vẫn nghi ngờ về sự hiện hữu của Bồ Đề Đạt Ma, cũng như họ đã từng nghi ngờ về sự hiện hữu của đức Thích Ca Mâu Ni và vua A Dục trước khi những chỉ dụ của vị vua huyền thoại này được các nhà khảo cổ tìm thấy và giải mã.

Một ngàn năm trăm năm là một khoảng thời gian dài đằng đằng đối với chúng ta, nhưng một ngàn năm trăm năm đó chẳng qua chỉ là một cái phẩy tay áo trên núi cao của vị tôn sư. Và Thiền đã thật sự đến với thế gian, với loài người.

Bồ Đề Đạt Ma ra đời vào khoảng năm 440 tại Kanchi, thủ đô của vương quốc Pallava ở miền Nam Ấn Độ. Ngài thuộc dòng Bà La Môn, là hoàng tử thứ ba con vua Simhavarman (Hương Chí). Từ trẻ, Ngài đã hăm mộ đạo Phật và về sau thọ Pháp với ngài Prajnataja, vị Tổ thứ hai mươi bảy trong dòng Thiền, khi vị này đến viếng nhà vua. Chính ngài Prajnataja khuyên Bồ Đề Đạt Ma sang truyền Phật Pháp ở Trung Hoa. Lúc bấy giờ đường lục địa mất an ninh nên Bồ Đề Đạt Ma đã đi thuyền và vào miền Nam Trung Hoa.

Theo sách *Truyền Đăng Lục* của Đạo Nguyên, sau ba năm lênh đênh trên biển, Bồ Đề Đạt Ma vào đến miền Nam Trung Hoa vào năm 527 A.D. Vua Lương Vũ Đế mời Ngài vào cung hỏi đạo, Bồ Đề Đạt Ma dùng phương tiện hiển bày giáo lý Đốn Ngộ nhưng vua không hiểu. Cuộc đối đáp được ghi lại như sau:

Vua Lương Vũ Đế hỏi: "Thế nào là Thánh đế đệ nhất nghĩa?"

Đáp: "Rỗng không không Thánh."

Hỏi: "Trước mặt trẫm là ai vậy?"

Đáp: "Không biết."

Lại hỏi: “Trẫm từ khi nối ngôi vua đến nay chuyên giúp người, cứu thế, chép kinh, tạo tượng, được công đức gì?”

Đáp: “Không có một chút công đức.”

Vua nói: “Vì sao không có công đức?”

Đáp: “Chỉ được quả nhỏ trong chốn trời người, đó là nhân hữu lậu như hình theo hình, tuy có nhân lành, không phải tướng chân thật.”

Hỏi: “Thế nào là công đức chân thật?”

Đáp: “Trí thanh tịnh tròn đầy rỗng lặng. Công đức ấy không thể lấy việc thế gian mà cầu.”

(Nhĩ thời Vũ Đế vấn: Như hà thị Thánh đế đệ nhất nghĩa?)

Sư viết: Khuếch nhiên vô Thánh.

Đế viết: Đối trẫm giả thùy?

Sư viết: Bất thức.

Hựu vấn: Trẫm tự đặng cứu ngũ dĩ lai, độ nhân, tạo thế, sao kinh, hữu hà công đức?

Sư viết: Vô công đức.

Đế viết: Hà dĩ vô công đức.

Sư viết: Thử thị nhân thiên tiểu quả, hữu lậu chi nhân, như hình tùy hình, tuy hữu thiện nhân, phi thị thực tướng.

Vũ Đế vấn: Như hà thị thật công đức?

Sư viết: Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch. Như thị công đức, bất dĩ thế cầu.)

(Tổ Đường Tập)

Bồ Đề Đạt Ma biết nhân duyên chưa đủ, ngài bí mật vượt sông Dương Tử, tương truyền trên một nhánh lau. Cũng theo truyền thuyết, Ngài lên ngọn Thiếu Thất cách chùa Thiếu Lâm núi Tung Sơn khoảng một dặm để ngồi “Bích Quán” chín năm.

Theo sách *Truyền Đăng Lục* của Đạo Nguyên, Bồ Đề Đạt Ma mất vào ngày 5 tháng 10 năm 536 do một vị tu sĩ vì ganh tỵ ám hại bằng thuốc độc. Theo *Tục Cao Tăng Truyện* của Đạo Tuyên, Bồ Đề Đạt Ma mất trên bờ sông Lô. Cũng theo Đạo Tuyên, ba năm sau khi Bồ Đề Đạt Ma mất, một vị sứ thần đã gặp Ngài trong vùng núi Trung Á. Ngài vắt trên vai cây gậy có treo một chiếc dép, nói rằng Ngài đang đi về Thiên Trúc. Các tăng sĩ nghe tin này, đào mộ Ngài và thấy chỉ còn một chiếc dép trong quan tài.

Bồ Đề Đạt Ma được coi là người đầu tiên truyền Thiền vào Trung Hoa. Phương pháp và giáo lý mà Bồ Đề Đạt Ma dạy cho môn đồ cũng vẫn là con đường nhận ra bản tâm để thành Phật. Nhưng với Bồ Đề Đạt Ma, Thiền - hay sự sống trong mỗi khoảnh khắc - với Phật là một, Phật với Tâm – Bình Thường Tâm – không hai. Thay vì dạy môn đồ lắng trong tâm thức, Ngài chỉ cho họ “nhìn thấy” một hòn đá, một nhánh lau trôi trên sông, một chiếc dép lế không mang... Và vì vậy Bồ Đề Đạt Ma được coi như một ngọn đèn thấp sáng từ nụ cười của Ngài Ma Ha Ca Diếp trước cảnh hoa Phật đưa lên, để thấp sáng mãi những ngọn đèn khác về sau.

Và lại, trước khi Bồ Đề Đạt Ma vào Trung Hoa, Phật giáo ở đây chỉ chú trọng nhiều vào nghiên cứu, giảng luận kinh điển. *Đại Thừa Bích Quán* do Ngài truyền dạy lấy thiền quán thực tiễn làm tinh yếu tu học. Bích Quán không phải là một loại “thiền chết” như có người hiểu là ngồi quay mặt vào vách. Bích Quán là dừng tâm trong chỗ “không thấy có mình có người, phàm thánh là một, không phân biệt, tịch diệt vô vi.” Đó là “an tâm,” lập mệnh.

Huệ Khả đến cầu an tâm, an tâm là mục đích của Bích Quán. Và chỉ khi đến với Bồ Đề Đạt Ma, Huệ Khả mới được “an tâm.” Đó là sứ mệnh của Thiền mà Bồ Đề Đạt Ma đem đến cho thời đại.

Khi Bồ Đề Đạt Ma đến Đông Kinh, có một vị sư tên Thần Quang đi theo xin thờ làm thầy. Thần Quang là đại biểu cho mẫu người trí thức thời bấy giờ. Thần Quang trước đã nghiên cứu thâm sâu triết lý Lão Trang và Khổng, về sau không thỏa mãn và trở về nghiên cứu Phật giáo. Ông là người uyên bác, học rộng hiểu nhiều nhưng tâm vẫn bất an. Mỗi khi Thần Quang hỏi Pháp, Bồ Đề Đạt Ma đều không trả lời.

Thần Quang tự nhủ: “Người xưa vì cầu Pháp có thể đập đầu rơi tủy, cắt máu họa tượng, xả tóc che bùn, thí thân cho cọp. Người xưa như vậy sao ta lại tiếc thân?” Rồi đứng suốt đêm ngoài trời mưa tuyết.

Sáng hôm sau, Bồ Đề Đạt Ma thấy vậy, hỏi: “Người đứng ngoài tuyết muốn cầu việc gì?”

Thần Quang rơi lệ thưa: "Nguyện xin Hòa Thượng mở cho con đường mưa móc, rộng độ quần sanh."

Sư nói: "Trí tuệ cao tột của chư Phật phải trải qua vô số kiếp tu hành. Người tâm ý nhỏ hẹp không thể đạt được."

Thần Quang nghe nói tự chặc cánh tay trái đặt trước mặt Sư.

Sư bảo Thần Quang: "Chư Phật và Bồ tát cầu Pháp không lấy thân làm thân, không lấy tánh mệnh làm tánh mệnh. Người chặc tay cầu Pháp là một việc làm xứng đáng." Rồi đổi tên Thần Quang thành Huệ Khả.

Huệ Khả thưa: "Xin Hòa thượng an tâm."

Sư bảo: "Đưa tâm ra đây, ta sẽ vì ngươi mà an cho!"

Thưa: "Con tìm tâm không được."

Sư bảo: "Tìm được là tâm của người chăng? Ta đã vì ngươi mà an tâm cho rồi."

Sư lại hỏi Huệ Khả: "Ta đã vì ngươi mà an tâm cho rồi, thấy chăng?"

Huệ Khả nghe xong đại ngộ, nói: "Ngày nay mới biết rằng tất cả các pháp từ xưa đều vốn rỗng lặng; ngày nay mới biết rằng bồ đề vốn chẳng xa xôi. Vì vậy Bồ tát không động niệm mà đến bờ Bát Nhã, không động niệm mà chứng Niết Bàn."

Sư bảo: "Đúng vậy! đúng vậy!"

Huệ Khả lại hỏi: "Pháp của Hòa Thượng có ghi chép bằng văn tự hay không?"

Sư đáp: "Pháp của ta lấy tâm truyền tâm, không lập văn tự."

(Tổ Đường Tập)

Thiền của Bồ Đề Đạt Ma cũng gọi là Tổ Sư Thiền để phân biệt với Như Lai Thiền. Sự phân biệt này được đề cập trong cuộc vấn đáp giữa Bồ Đề Đạt Ma và Thái thú Dương Diễn như sau:

Thái thú Dương Diễn hỏi: "Ở các nước Thiên Trúc bên phương Tây, người được truyền Pháp được gọi là Tổ, tôi chưa rõ ý này, xin hỏi nghĩa như thế nào?"

Sư đáp: “Thấu rõ ăn b ản Phật Tâm không một chút l ầm l ẫn, tu và hiểu tương ứng, gọi là Tổ.”

Lại hỏi: “Chỉ như vậy hay còn gì khác nữa?”

Sư đáp: “Thấu rõ Tâm người thì biết khắp xưa nay, không bỏ có không, cũng không bám giữ. Không hiền không ngu, không mê không ngộ. Nếu thấu được việc đó thì gọi là Tổ.”

Dương Di ễn lại hỏi: “Đệ tử từ lâu trong chốn ác nghiệp, không gần gũi người trí thức để tỏ lòng cung kính, bị chút trí huệ nhỏ trói buộc hóa ra ngu mê nên không tỏ ngộ được đạo. Nguyên xin Sư chỉ bày Đạo lớn, thông đạt Tâm Phật, tu hành dụng tâm. Xin hỏi thế nào gọi là Pháp Tổ?”

Sư nói kệ như sau:

*Không thấy việc ác mà hi ềm ghét,  
Không quán việc thiện mà ham theo,  
Không bỏ chỗ ngu mà cầu hiền,  
Cũng không bỏ mê để cầu ngộ.  
Đạt đạo lớn siêu việt suy lường,  
Thông Tâm Phật ra ngoài đo đếm,  
Không ở trong phàm cùng Thánh,  
Siêu nhiên gọi đó là Tổ.*

*(Di ệc bất đồ ố nhi sanh hi ềm, di ệc bất quán thiện nhi sanh thố;  
Di ệc bất xả ngu nhi cận hiền, di ệc bất tha mê nhi tựu ngộ.  
Đạt đại đạo h ề quá lượng, thông Phật Tâm h ề xuất độ;  
Bất dữ phàm Thánh đồng tri ền, siêu nhiên danh chi viết Tổ.)*

(Tổ Đường Tập).

## 1. BỐN QUÁN HẠNH VÀO ĐẠO CỦA ĐẠI THỪA

Muốn vào Đạo có nhiều đường, tóm lại không ra ngoài hai đường: Lý Nhập và Hạnh Nhập.

**Lý Nhập** là thực hành theo giáo lý mà b ư ớc vào cội nguồn của đạo. Tin sâu rằng các loài hàm sinh đều cùng một chân tánh, chỉ do khách trần (1), vọng tưởng che khuất nên không hiển lộ. Nếu rời hư dối mà trở về nơi chân thật, dừng lại trong bích quán, không thấy có mình có người, phàm thánh là một,

vững chắc không dời, cũng không theo chữ nghĩa. Đó là hợp với lý, không phân biệt tịch diệt vô vi, gọi là lý nhập.

**Hạnh Nhập** có bốn hạnh. Tất cả những hạnh khác cũng đều nhập cả vào bốn hạnh này. Bốn hạnh đó là gì? Thứ nhất là Báo Oan Hạnh, thứ hai là Tùy Duyên Hạnh, thứ ba là Vô Sở Cầu Hạnh, và thứ tư là Xứng Pháp Hạnh.

**Báo Oan Hạnh:** người tu đạo lúc gặp khổ, nên tin nghĩ rằng mình từ trong vô số kiếp xưa, bỏ gốc theo ngọn, trôi nổi theo các pháp hữu vi, khởi nhiều oan ghét, tội lỗi rất nhiều. Ngày nay tuy không làm lỗi, nhưng chính là cái tai họa tạo ra trước kia của mình. Khi ác nghiệp chín, không có trời, không có người nào có thể thấy trước. Nay mở tâm nhận chịu, không than thở. Kinh dạy: "Gặp khổ không buồn. Vì sao thế? Hiểu rõ vậy." Hiểu như thế, thì tương ứng với lý. Lấy oan mà tăng tiến đạo hạnh, nên gọi là Báo Oan Hạnh.

**Tùy Duyên Hạnh:** Chúng sanh không phải do chính mình làm chủ mà do duyên nghiệp chuyển hóa. Cảm nhận khổ vui đều do duyên sinh. Nếu được quả báo tốt đẹp vinh dự vân vân, đó là do nhân quá khứ cảm nên, ngày nay có được, khi duyên hết thì trở lại hoàn không. Có gì mà vui khi được? Được mất theo duyên, tâm không thêm bớt. Gió vui không động, thềm thuận nơi đạo. Đó là Tùy Duyên Hạnh.

**Vô Sở Cầu Hạnh:** Người đời ở trong cơn mê dài, đầy đầy sự tham trước, gọi là có cầu. Người trí giác ngộ sự thật, ngược lại thế tục, an tâm nơi vô vi, thân thuận theo sự biến chuyển. Vạn vật đều là không, không có chỗ để ham muốn. Công đức và hắc ám thường đuổi theo nhau. Ba cõi ở lâu như trong nhà lửa. Có thân tất khổ, chẳng ai được an ổn. Hiểu rõ chỗ này thì sẽ bỏ được mọi thứ, dừng lại vọng tưởng, không còn cầu mong. Kinh dạy: "Có cầu tất có khổ, không cầu được vui." Khi không cầu mong, đó thật là tu đạo.

**Xứng Pháp Hạnh:** Lý thể các pháp tự tánh thanh tịnh. Trong đó, mọi vật đều là không, không nhiễm, không trước, không chủ, không khách. Kinh dạy: "Pháp không chúng sanh, nên lìa chúng sanh cầu, pháp không có ngã, nên lìa ngã cầu." Người trí nếu tin hiểu lý này, có thể thuận với Phật Pháp mà tu hành. Bản thể của pháp là không, nên xả thí thân mạng, tài sản mà tâm không luyến tiếc. Hiểu rõ ba không, không nương không bám, dẹp dần trần cấu, giáo hóa chúng sanh mà không mắc vào hình ử ớng. Đó là tự hành, mà lại có thể lợi người, lại có thể trang nghiêm đạo Bồ Đề. Hạnh bố thí với năm hạnh khác (sáu ba la mật) cũng đều đầy đủ. Giải trừ vọng tưởng, tu hành lục độ (2), nhưng không thấy chỗ tu, gọi là Xứng Pháp Hạnh.

### **Chú thích:**

(1) Khách trần: Bụi bặm từ bên ngoài. Theo Kinh Lăng Nghiêm, khách trần là những thứ từ bên ngoài tác dụng vào tâm thức chúng ta.

(2) Lục độ: 1/ Bố thí, 2/ Trì giới, 3/ Nhẫn nhục, 4/ Tinh tấn, 5/ Thiền định, 6/ Trí Huệ.



## 2. HUYẾT MẠCH LUẬN

Ba cõi (1) hỗn độn cùng về một tâm. Phật trước Phật sau lấy tâm truyền tâm, không dựa vào văn tự.

Hỏi: Nếu không dựa vào văn tự, lấy gì hiểu được tâm?

Đáp: Ông hỏi ta, đó là tâm ông. Ta trả lời ông, đó là tâm ta. Nếu ta không có tâm, làm sao trả lời ông được? Nếu ông không có tâm, ông làm sao hỏi được? Từ vô thủy kiếp đến nay, những vận động lớn nhỏ trong mọi lúc, mọi nơi đều là tâm ông, đều là Phật ông. Tâm chính là Phật cũng lại như vậy. Ngoài tâm đó ra, rất không có Phật nào chứng được. Bỏ tâm mà tìm Bồ Đề (Trí Tuệ) và Niết Bàn (giải thoát) ở bên ngoài thì không thể được. Tự Tánh (2) chân thật, là pháp không có nhân quả, đó là nghĩa của Tâm. Tâm là Niết Bàn. Nếu cho rằng ngoài tâm có thể tìm thấy Phật và Bồ Đề, thật không có chỗ đó. Phật và Bồ đề ở chỗ nào? Ví như có người lấy tay nắm bắt hư không phỏng có được không? Hư không chỉ có tên gọi, cũng không tướng mạo, cầm không được, thả không được, nên không thể nắm bắt hư không. Bỏ tâm mà tìm Phật bên ngoài thì không bao giờ tìm được. Phật chính nơi tâm mà được, cố sao lại bỏ tâm mà tìm Phật bên ngoài? Phật trước Phật sau chỉ nói tâm này. Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm, ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm. Nếu cho rằng ngoài tâm có Phật, Phật ở chỗ nào? Ngoài tâm đã không có Phật, sao lại khởi tâm thấy Phật. Đi theo sự lừa dối, không thấu được tâm mình, bị sự vật vô tình ở bên ngoài làm chủ, mất hết tự do. Nếu không tin như thế thì chỉ lừa dối mình một cách vô ích, đó không phải là lỗi của Phật.

Chúng sinh điên đảo, không tỉnh biết tâm mình là Phật. Nếu biết tâm mình là Phật thì không theo bên ngoài mà tìm Phật. Phật không độ Phật, đem tâm tìm Phật thì chẳng biết Phật, chỉ theo bên ngoài mà tìm Phật, đó là chẳng biết tự tâm là Phật. Cũng không có việc đem Phật mà lễ Phật, không có việc dùng tâm mà niệm Phật. Phật không tụng Kinh, Phật không giữ giới, Phật không phạm giới. Phật không giữ, không phạm, cũng không tạo việc lành việc dữ.

Nếu muốn tìm Phật, cần phải thấy Tánh (3). Người thấy Tánh là Phật. Nếu không thấy Tánh, niệm Phật, tụng Kinh, ăn chay, giữ giới cũng đều là những chuyện vô ích. Niệm Phật thì được hưởng quả báo tốt, tụng Kinh được thông minh, giữ giới được sinh cõi trời, bố thí được hưởng phước, còn dùng để tìm Phật thì trọn không thể được.

Nếu tự mình không thấu rõ, nên tìm gặp bậc thiện trí thức để trừ cho xong cái nền móng của sinh tử. Người không thấy Tánh thì không thể gọi là thiện trí thức. Nếu không thấy Tánh thì dù có giảng được mười hai bộ Kinh cũng không khỏi sinh tử luân hồi (4), chịu khổ trong ba cõi không có ngày ra. Xưa có vị tỳ kheo (5) tên là Thiện Tinh tụng thuộc mười hai bộ Kinh cũng không

thoát khỏi luân hồi cũng do không thấy Tánh. Thiện Tinh mà còn như vậy, người ngày nay giảng được năm ba bản Kinh Luận lại cho đó là Phật Pháp thì thật là mê mờ. Nếu không biết được tự tâm, giảng giải văn thư suông thì chỉ là vô dụng.

Muốn tìm Phật cần phải thấy Tánh. Tánh tức là Phật. Phật là người tự tại, người không để tâm, không tạo tác. Nếu không thấy Tánh, suốt ngày lang bang đuổi theo bên ngoài mà tìm kiếm, tìm mãi cũng không thấy được Phật.

Tuy không một vật có thể được, nhưng nếu muốn thấu rõ cũng cần tìm gặp bậc thiện trí thức, đem hết lòng khổ cầu làm cho tâm hiểu thấu. Sống chết là việc lớn, không nên luống để trôi qua, tự lừa dối chẳng ích gì. Giả như có trân bảo nhiều như núi, quyến thuộc như cát sông Hằng, mở mắt thì thấy, nhắm mắt làm sao thấy được? Cho nên biết rằng các pháp hữu vi (6) đều giống như huyễn mộng. Nếu không gặp tìm Thầy, bỏ uổng một đời. Dù rằng Phật Tánh vốn sẵn, nếu không nhờ Thầy rớt cuộc cũng không thấu rõ. Người không Thầy mà ngộ, trong vạn người khó tìm được một. Nếu tự mình hội đủ như duyên mà rõ được ý Thánh nhân không nhờ học hỏi bậc thiện trí thức, đó là người mới sinh đã biết, là bậc đã vượt qua sự học rồi vậy (vô học). Nếu chưa ngộ giải, nên khổ công tham học, nhờ sự dạy dỗ mà được ngộ.

Người chưa ngộ cho rằng không học cũng được thì chẳng khác người mê, không biết phân biệt đen trắng, nói càng là lời dạy của Phật, chỉ là chê Phật, bài Pháp. Những hạng như vậy, nói Pháp như mưa, thảy đều là lời ma, không phải lời Phật, thầy là vua ma, trò là dân ma. Người mê chịu chúng sai khiến không biết là mình rơi vào biển sinh tử. Những người không thấy Tánh đối xứng là Phật, những chúng sanh đó là những đại tội phạm, lừa dối hết thảy những chúng sanh khác đi vào cõi ma. Nếu không thấy Tánh có giảng được mười hai bộ Kinh, thảy đều là lời ma, là họ hàng nhà ma, không phải đệ tử nhà Phật. Đã không phân rõ đen trắng, nhờ vào đâu mà khỏi sinh tử!?

Thấy được Tánh là Phật, không thấy Tánh là chúng sanh. Nếu rời tánh chúng sanh, không có Tánh Phật nào bên ngoài. Phật hiện tại ở chỗ nào? Tánh chúng sanh tức là Tánh Phật vậy. Ngoài Tánh không có Phật. Phật tức là Tánh. Ngoài Tánh này ra, không có Phật, ngoài Phật không có Tánh.

Hỏi: Nếu không thấy Tánh, niệm Phật, tụng Kinh, bố thí, giữ giới, tinh tấn, rộng làm việc phúc, có thành Phật được không?

Đáp: Không được.

Hỏi: Tại sao không được?

Đáp: Chỉ được chút ít, những pháp hữu vi đó đều là pháp nhân quả, pháp thọ báo, pháp luân hồi, sinh tử còn không thoát, làm sao thành Phật Đạo? Muốn thành Phật phải thấy Tánh. Nếu không thấy Tánh, bao nhiêu lời nói nhân quả đều là ngoại đạo. Nếu là Phật thì không theo pháp ngoại đạo. Phật là người không có nghiệp nên không có nhân quả, nếu nói rằng Phật có pháp đạt được dù chút xíu, cũng là bóng Phật. Cứ vào đâu mà đắc thành? Dù

chỉ trụ trước vào một tâm, một khả năng, một sự hiểu, một sự thấy, Phật cũng không có.

Phật cũng không giữ không phạm, Tâm Tánh vốn rỗng không, cũng không dơ không sạch. Các Pháp không có tu, không có chứng, không nhân không quả. Phật không giữ giới, Phật không làm lành, Phật không tạo ác, Phật không tinh tấn, Phật không giải đãi. Phật là người không tạo tác. Lấy tâm trụ trước mà thấy Phật thì không thể thấy. Phật không phải là Phật, đừng tìm kiếm giải về Phật. Nếu không hiểu nghĩa này, dù ở nơi nào, lúc nào cũng đều không rõ được bản tâm.

Nếu không thấy Tánh mà cho rằng mình trong mọi lúc thực hành hạnh không tạo niệm tưởng là người có tội lớn, là người ngu si, rơi vào trong cái không vô ký (7), ngây ngất như người say, không phân tốt xấu. Nếu muốn theo tu pháp vô tác, trước phải thấy Tánh, sau mới dừng các tưởng nghĩ. Nếu không thấy Tánh mà thành được Phật Đạo là chuyện không có. Có người cho rằng không có nhân quả, hung hăng tạo nghiệp ác, nói xằng rằng vì hết thảy vốn không, nên tạo ác không có lỗi lầm. Hạng người như vậy đọa vào địa ngục vô gián hắc ám không có ngày ra. Là người trí thì không nên có kiến giải đó.

Hỏi: Mọi vận động lớn nhỏ trong mọi lúc đều là bản tâm, trong thời khắc biến dịch không ngừng của thân xác này, tại sao không thấy được bản tâm?

Đáp: Bản tâm thường ngay trước mắt, tại ông không thấy mà thôi.

Hỏi: Tâm ngay trước mắt, do đâu không thấy?

Sư hỏi: Người đã từng nằm mộng chưa?

Đáp: Đã từng.

Hỏi: Trong lúc người nằm mộng có phải là thân người không?

Đáp: Chính là bản thân.

Lại hỏi: Các lời nói, vận động lớn nhỏ của người với người là riêng khác hay không riêng khác?

Đáp: Không riêng khác.

Sư nói: Đã không riêng khác thì thân này là bản Pháp Thân của người, Pháp Thân này là bản tâm của người. Tâm này từ kiếp vô thủy xa xôi đến nay không khác nhau, chưa hề sinh tử, không sinh không diệt, không tăng không giảm, không dơ không sạch, không tốt không xấu, không đến không đi, cũng không phải quấy, không có tướng nam nữ, cũng không tăng tục, già trẻ, không Thánh không phạm, cũng không Phật không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không nhân quả, cũng không gân sứt, cũng không tư tưởng mạo, giống như hư không, giữ không được, bỏ không được, núi sông vách đá không ngăn ngại được, đến đi hiện ẩn thần thông tự tại, xuyên qua núi năm uẩn, vượt qua sông sinh tử. Không nghiệp nào giữ được Pháp Thân này. Cái

Tâm này vi diệu khó thấy. Tâm đó không giống tâm cảm thọ. Tâm đó người người đều muốn thấy. Số người ở trong ánh sáng kia khu tay động chân nhiều như cát sông hằng, khi gặp người hỏi đều nói rằng không thể được, giống hệt như người gỗ, chỉ tự riêng dùng. Do đâu mà không hay biết? Phật nói hết thảy chúng sanh đều là người mê, do đó tạo nghiệp, rơi vào gòng sông sinh tử, muốn ra lại đắm chỉ vì không thấy Tánh. Chúng sanh nếu không mê, sao hỏi sự việc trước mắt lại không có một người hiểu rõ. Tự mình khu tay động chân tại sao lại không biết? Do đó biết rằng lời của bậc Thánh nhân không lầm lẫn, là do người mê không hiểu. Cho nên biết rằng cái đó khó hiểu thấu, chỉ Phật mới thấu được pháp đó, ngoài ra người trời cùng các loại chúng sanh đều không hiểu được. Nếu có trí tuệ soi rõ, Tâm này được gọi là Pháp Tánh (8), cũng gọi là giải thoát, sống chết không giam hãm được. Không pháp nào giam hãm được người này, gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất Tư Nghì (không thể suy lường), cũng gọi Thánh Thể, là Trường Sanh Bất Tử, là Đại Tiên. Tên tuy không đồng, thể thì là một. Thánh Nhân nhiều loại khác nhau thảy đều không là Tự Tâm. Lượng Tâm rộng lớn, ứng dụng không cùng, theo mắt thấy sắc, theo tai nghe tiếng, theo mũi ngửi mùi, theo lưỡi biết vị, cho đến vận động lớn nhỏ đều là tự tâm. Ngay trong mọi lúc, chỗ ngôn ngữ không đến được, đó là Tâm. Cho nên nói "Sắc tướng của Như Lai là vô tận, Trí Huệ của Như Lai cũng như vậy." Sắc vô tận là Tự Tâm.

Tâm thức khéo phân biệt được hết thảy, cho đến mọi vận động đều là trí tuệ. Tâm không có hình tướng, trí tuệ cũng không cùng tận, cho nên nói "Như Lai sắc vô tận, Trí tuệ diệc phục nhiên."

Thân xác tứ đại (9) là phiền não. Sắc thân thì có sinh diệt. Pháp Thân thì thường còn mà không có chỗ nương, vì Pháp Thân của Như Lai không biến đổi vậy. Kinh nói: "Chúng sanh nên biết rằng Phật Tánh vốn tự sẵn." Ca Diếp (10) chỉ là ngộ được Bản Tánh.

Bản Tánh tức là Tâm, Tâm tức là Tánh. Tánh này đồng với Tâm chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ truyền Tâm này, ngoài Tâm này ra không có Phật. Chúng sanh điên đảo (11) không biết Tâm mình là Phật, hướng ra ngoài mà đuổi tìm, suốt ngày hoang mang niệm Phật lễ Phật, không biết Phật ở đâu. Không nên có các cái thấy như vậy. Chỉ biết Tự Tâm, ngoài Tâm ra không có Phật khác. Kinh dạy: "Phàm cái gì có ở ớng đều là hư dối." (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.) Cũng dạy: "Ngay chỗ đang ở tức thời có Phật."

Tâm mình là Phật. Không cần đem Phật lễ Phật. Như có hình tư ớng Phật và Bồ Tát bỗng hiện trước mắt, cũng không cần kính lễ. Tâm ta rỗng lặng, vốn không có hình tư ớng. Nếu bám vào tướng tức là ma, rơi vào tà đạo, đó là huyền do tâm khởi, không cần lễ. Người lễ thì không biết, người biết thì không lễ. Lễ là bị ma giam cầm. Sợ người học không biết nên nói ra. Tính thể của chư Phật Như Lai thảy không có cái tướng như vậy. Cần ghi nhớ điều này. Như có cảnh giới khác lạ cũng không nên chọn giữ, cũng không sợ hãi.

Không nên nghi ngờ rằng tâm ta xưa nay vốn thanh tịnh, làm sao có hình trạng như vậy. Cho đến các hình tướng thiên, long, dạ xoa, quỷ thần, Đế Thích, Phạm Vương, cũng không khởi tâm kính trọng, cũng không sợ hãi. Tâm ta vốn rỗng lặng. Hết thấy các hình tướng đều là hư dối, cho nên đừng chấp giữ hình tướng.

Nếu khởi sự hiểu biết về Phật, sự hiểu biết về Pháp, cùng tướng Phật, Bồ Tát mà sinh kính trọng, tự mình rơi vào địa vị chúng sinh. Nếu muốn trực tiếp hiểu rõ, chỉ đừng bám giữ bất cứ một hình tướng nào, không có lời nào khác. Vì vậy Kinh dạy: "Phàm cái gì có hình tướng đều là hư vọng." Rất ráo không có cái chân, cái huyền (12) cố định, không có hình tướng cố định, đó là pháp vô thường (13). Chỉ không bám giữ hình tướng là hợp Thánh ý. Kinh dạy: "Rời hết thấy tướng thì gọi là Phật."

Hỏi: Tại sao không lễ Phật, Bồ Tát?

Đáp: Thiên Ma Ba Tuần, A Tu La hóa hiện thần thông đều có thể làm ra hình tướng Bồ Tát, các loại biến hóa, đó là ngoại đạo, chẳng phải Phật gì cả, vì Phật là Tự Tâm, đừng lầm lẫn. Phật là tiếng Ấn Độ, nghĩa là Tính Biết (Giác Tính), Người Biết, Linh Giác. Tùy thời đối việc, đưa mày, nháy mắt, khua tay, động chân đều là tính linh giác của mình. Tính tức là Tâm, Tâm tức là Phật, Phật là Đạo, Đạo tức là Thiên. Một chữ Thiên không phải là chỗ phạm Thánh đo lường. Lại dạy: "Thấy Bản Tính là Thiên." Nếu không thấy Tánh mình thì không phải là Thiên. Giả như có giảng được ngàn quyển kinh, vạn cuốn luận mà không thấy Tánh mình thì cũng chỉ là phạm phu, không phải là Phật Pháp. Đạo lớn thâm sâu mầu nhiệm, không thể dùng lời mà hiểu, điển giáo làm sao chỉ tới?

Chỉ thấy Bản Tánh, người không biết một chữ cũng đắc. Thấy Tánh tức là Phật. Thánh thể xưa nay vốn thanh tịnh, không có uế tạp. Mọi lời nói ra đều là Thánh nhân từ tâm khởi dụng. Thể của dụng xưa nay vốn rỗng không, lời nói, tên gọi không đến được, mười hai bộ Kinh làm sao nói hết được.

Đạo vốn trọn đủ, không cần tu chứng. Đạo không có âm thanh, hình dáng, vi diệu khó thấy. Như người uống nước, nóng lạnh tự biết, không thể nói cho người khác. Chỉ Như Lai biết được, còn các loài trời người đều không hay biết. Trí phạm phu đến không tới vì bám giữ vào hình tướng, không biết rằng Tâm mình xưa nay vốn rỗng lặng, chấp lầm hình tướng cùng hết thấy các pháp, rơi vào ngoại đạo. Nếu biết rằng các pháp đều do Tâm sinh, thì không còn bám giữ. Bám giữ thì không còn hay biết.

Nếu thấy được Tánh mình, hết thấy mười hai bộ Kinh chỉ là văn tự sông. Ngàn Kinh vạn luận chỉ làm cho sáng tỏ Tâm. Nếu bên sau lời nói mà hiểu được, cần gì đến giáo tướng (kinh luận.) Chân Lý tốt cùng dứt đường nói năng. Giáo lý chỉ là ngôn ngữ, thật không phải là đạo. Đạo vốn không lời, nói ra là lầm lẫn. Như trong mộng thấy có lâu đài, cung điện, voi ngựa, cùng các

loại hình tướng như cây cối, tông lâm, ao, nhà, không dấy khởi một niệm vui chấp. Đó thảy đều là những cái tạo ra luân hồi. Nên ghi nhớ điều này.

Đến khi sắp chết, không bám vào hình tướng thì không bị che mờ. Tâm nghi một thoáng khởi lên, liền bị ma dắt dẫn. Pháp Thân xưa nay vốn thanh tịnh không thọ nhận, chỉ do mê mờ, không biết không hay, do đó vọng chịu thọ báo. Vì ôm giữ cái vui, không được tự do. Nay nếu ngộ được cái Thân Tâm thường còn thì không còn bị ô nhiễm.

Còn nếu từ Thánh vào phàm, hiện ra các các thứ chủng loại, là vì chúng sanh. Cho nên biết rằng Thánh nhân ngược xuôi đều tự tại. Không có nghiệp nào cấu thúc được. Thánh nhân vốn có oai đức lớn, hết thảy các nghiệp đều bị vị Thánh nhân đó chuyển. Thiên đường địa ngục không làm gì được. Thần thức (14) của người phàm mờ tối, không giống Thánh nhân trong ngoài đều sáng tỏ.

Nếu có điều nghi ngờ thì không làm. Làm thì trôi theo sinh tử, sau dù hối hận cũng không có chỗ cứu. Bần cùng khổ khổ đều do vọng tưởng sinh ra. Muốn rõ Tâm này, chỉ cần nơi không làm mà làm, tức vào Tri Kiến của Như Lai.

Người mới phát tâm, thần thức không ổn định, nếu trong mộng hay thấy các cảnh lạ, không cần phải nghi ngờ đó đều do tâm mình khởi ra, không phải từ ngoài vào. Nếu trong mộng thấy ánh sáng xuất hiện, sáng hơn mặt trời, các thói quen còn lại sẽ liền dứt tận, thấy Pháp Giới Tánh (15). Nếu việc đó xảy ra, đó là nhân thành Đạo, chỉ tự biết, không nên nói cho người khác. Hay trong vườn yên rừng vắng, đi đứng ngồi nằm, mắt thấy ánh sáng, hoặc lớn hoặc nhỏ, đừng nói với người khác, cũng không nhận giữ, đó là quang minh của Tự Tánh. Hoặc khi đi đứng nằm ngồi trong đêm tối yên tĩnh, mắt thấy ánh sáng, giống như ban ngày không khác, đừng nghi ngờ lo sợ, thảy là Tự Tâm hiển lộ. Hoặc ban đêm trong mộng thấy trăng sao rõ ràng, ấy là các duyên của Tự Tâm sắp dứt, cũng không nên nói cho người ngoài biết. Mộng nếu mơ hồ, giống như đi trong bóng tối, là phiền não chướng trong tâm còn nặng, cũng tự biết.

Nếu thấy Bản Tánh, không cần đọc Kinh niệm Phật. Học rộng biết nhiều chẳng có ích gì, còn làm cho thần thức thành mờ tối. Lập ra giáo lý chỉ là để nêu ra cái Tâm, nếu biết được Tâm, cần gì coi giáo lý.

Muốn bỏ phàm vào Thánh, cần nên dứt nghiệp, dưỡng thần, tùy phận sống qua ngày. Nếu có nhiều sân giận là làm cho Tánh chuyển thành trái nghịch với Đạo, là tự dối một cách vô ích.

Bậc Thánh ở trong sinh tử đến đi một cách tự tại, ẩn hiển không bị hạn định, không một nghiệp nào trói buộc được. Bậc Thánh nhân dẹp được các loại tà ma.

Chúng sanh chỉ cần thấy Tánh mình, các dư tập (16) liền tiêu diệt, thần thức không còn mê mờ, trong thoáng chốc liền lãnh hội, chỉ ngay trong giờ khắc

hiện tại. Muốn thật sự hiểu Đạo, đừng bám vào một pháp nào. Dứt nghiệp, dưỡng thần thì dư tập cũng dứt, tự nhiên rõ ràng, không phải dụng công xa xôi.

Ngoại đạo không hiểu ý Phật, đem hết sức dụng công, càng xa ý Thánh. Suốt ngày lăng xăng niệm Phật, chuyển Kinh, làm thần tính hôn mờ, không khỏi luân hồi.

Phật là người an nhàn, cần gì lăng xăng cầu tìm danh lợi. Làm thế có ích gì về sau? Chỉ người không thấy Tánh mới đọc Kinh, niệm Phật, học hỏi tinh tấn, sáu thời hành đạo, ngồi mãi không nằm, học nhiều nghe nhiều, coi đó là Phật Pháp. Những chúng sanh như vậy thầy là những người phỉ báng Phật Pháp. Phật trước Phật sau chỉ nói Thấy Tánh. Các hành (17) thì vô tư ởng. Nếu không thấy Tánh nói càng rằng đã đắc A Nậu Bồ Đề là đại tội nhân.

Trong mười đệ tử lớn của Phật, A Nan học rộng nghe nhiều bậc nhất mà không hiểu được Phật, chỉ suông học rộng nghe nhiều. Nhị Thừa, ngoại đạo đều không hiểu Phật, phân biệt các việc tu chứng, rơi vào nhân quả. Đó là nghiệp báo chúng sanh, không khỏi sinh tử. Trái xa ý Phật đó là loại chúng sanh báng Phật, giết đi không có tội. Kinh dạy: "Người xiển đề không có lòng tin, giết đi không có tội." Nếu có lòng tin, ấy là người dự vào Phật vị.

Nếu không thấy Tánh không nên đem đong phân biệt phỉ báng những người lương thiện, tự dối vô ích. Thiện ác rành mạch, nhân quả phân minh. Thiên đường địa ngục ở ngay trước mắt. Người ngu không tin ngay đó rơi vào địa ngục hắc ám cũng không hay biết. Chỉ do nghiệp nặng nên không khởi lòng tin. Thí như người không mắt không tin rằng có ánh sáng, như có nói cho nghe thì cũng không tin. Chỉ vì mù lòa, vin vào đâu để phân biệt được ánh sáng? Người ngu cũng giống như vậy, ngày nay rơi vào các loài súc sinh, sinh ra trong hạng bần cùng hạ tiện, muốn sống không được, muốn chết cũng không được. Tuy chỉ chịu các sự khổ, nếu có ai hỏi cũng nói rằng tôi nay vui sướng chẳng khác thiên đường. Cho nên biết rằng hết thầy chúng sanh dù chỗ sinh được coi là cõi vui cũng đều là những kẻ không có tri giác. Những kẻ ác này chỉ vì nghiệp chướng nặng nề, không khởi được lòng tin, không được tự do.

Nếu thấy Tâm mình là Phật, không cạo bỏ râu tóc, người bạch y cũng chính là Phật. Nếu không thấy Tánh, cạo bỏ râu tóc cũng là ngoại đạo.

Hỏi: Người bạch y có vợ con, không bỏ dâm dục, làm sao mà thành Phật?

Đáp: Chỉ nói Thấy Tánh. Không nói dâm dục chỉ vì chưa thấy Tánh. Khi thấy được Tánh, dâm dục gốc vốn rỗng lặng, tự đoạn trừ vậy, cũng không vui đắm. Như còn dư tập cũng không làm hại được. Vì sao? Vì Tánh vốn thanh tịnh vậy. Tuy ở trong xác thân nữ u ẩn nhưng Tánh vốn gốc thanh tịnh, không thể bị nhiễm ô. Pháp thân vốn không nhận, không đói không khát, không lạnh nóng, không bệnh hoạn, không ân ái, không quyến thuộc, không khổ vui, không tốt xấu, không ngắn dài, không mạnh yếu. Xưa nay chưa hề

có một vật. Chỉ do chấp có thân xác này nên có đói khát lạnh nóng bình chướng các thứ. Nếu không chấp, dù làm bất cứ việc gì, ở trong sinh tử đều được tự tại, chuyển hết thảy các Pháp, cùng với bậc Thánh nhân thần thông tự tại vô ngại, không nơi nào không phải là nơi an vui. Nếu tâm còn nghi ngờ, nhất định sự hiểu các cảnh giới sẽ không tới nơi, tốt nhất là đừng làm, làm rồi không tránh khỏi luân hồi sinh tử. Nếu thấy Tánh, chiêm đà la (18) cũng thành Phật được.

Hỏi: Chiêm đà la giết hại sinh mạng tạo nghiệp làm sao thành Phật?

Đáp: Chỉ nói Thấy Tánh, không nói tạo nghiệp. Như có tạo nhiều nghiệp khác nhau nhưng không nghiệp nào trói buộc được. Từ kiếp lâu xa, chỉ có người không thấy Tánh đọa địa ngục, vì tạo các nghiệp nên luân hồi trong sinh tử. Từ khi ngộ được Bản Tánh thì không còn tạo nghiệp. Nếu không thấy Tánh, niệm Phật mà khởi quả báo cũng không thể được, không luận giết hại sinh mạng hay không. Nếu thấy Tánh, tâm nghi liền trừ, giết sinh mạng cũng chẳng can gì.

Từ hai mươi bảy vị Tổ ở Tây Thiên chỉ lần truyền Tâm Ấn (19). Ta nay sang nước này, chỉ truyền Đại Thừa Đốn Giáo (20), tức Tâm là Phật, không dạy giữ giới, tinh tấn, khổ hạnh. Những việc vào lửa vào nước, đi trên kiếm luân, ăn một bữa, ngồi hoài không nằm thảy đều là pháp hữu vi của ngoại đạo. Nếu rõ biết tánh linh giác của mỗi mỗi vận động lớn nhỏ, Tâm người tức là Tâm của chư Phật. Phật trước Phật sau chỉ nói truyền Tâm, không có pháp khác. Nếu rõ được pháp này, người phàm phu không biết một chữ cũng là Phật. Nếu không biết Tánh linh giác của mình, thân dù tan ra thành tro bụi tìm Phật cũng không thể thấy.

Phật cũng được gọi là Pháp Thân, cũng gọi là Bản Tâm. Tâm này không có hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, giống như hư không, giữ không được, không đồng vật chất, không đồng ngoại đạo. Tâm này ngoài Như Lai hiểu được, còn những chúng sanh khác mê mờ không rõ được. Tâm này không ở bên ngoài sắc thân tứ đại. Nếu bỏ Tâm này, thì không thể vận động, thân này thành vô tri. Giống như cỏ cây ngói gạch, thân là vô tính, làm sao vận động được? Nếu Tâm động thì các việc nói năng vận động, thấy nghe hiểu biết đều là do sự động tâm khởi ra. Động là Tâm động, động tức dụng. Ngoài sự động dụng thì không có Tâm, ngoài Tâm không có động. Động không phải là Tâm, Tâm không phải là động. Động vốn là không tâm, Tâm vốn là vô động. Động không lìa Tâm, Tâm không lìa động. Động không phải là lìa Tâm mà có, Tâm không phải là lìa động mà có. Động là dụng của Tâm, dụng là cái động của Tâm. Không động không dụng, thể của dụng vốn là không, không vốn không động. Động với dụng cùng với Tâm là một. Tâm vốn không động. Vì vậy Kinh dạy: "Động mà không có chỗ động." Suốt ngày tới lui mà chưa từng đi, suốt ngày thấy mà chưa từng thấy, suốt ngày cười mà chưa từng cười, suốt ngày nghe mà chưa từng nghe, suốt ngày biết mà chưa từng biết, suốt ngày vui mà chưa từng vui, suốt ngày đi mà chưa từng



đi, suốt ngày đứng mà chưa từng đùng. Vì vậy Kinh dạy: "Dứt bặt ngữ ngôn, dập tắt tâm thức. Thấy, nghe, hiểu, biết vốn rỗng lặng." Cho đến giận, vui, đau, ốm chẳng khác người gỗ, chỉ do duyên tạo, tìm kiếm đau ốm chẳng thể được. Vì vậy Kinh dạy: "Ác nghiệp thì chịu quả báo khổ, thiện nghiệp thì được quả báo vui." Chẳng những sân đọa địa ngục, vui được sinh thiên, nhưng nếu biết sân và hỉ tánh không, không chấp thì ra khỏi nghiệp. Còn nếu không thấy Tánh, giảng Kinh chẳng ích gì."

Nói thì vô cùng, nay lược nói như vậy, không nói hết được một hai phần!

### **Chú thích:**

(1) Ba cõi (Tam giới): Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.

(2) Tự Tánh: Tính thật của mỗi người, mỗi chúng sanh. Tánh này bình đẳng, cũng là Chân Tánh, Phật Tánh.

(3) Tánh: Bản thể. Thấy Tánh là thấy được bản thể chân thực của mình (thấy được Tự Tánh) vốn sáng suốt, thanh tịnh.

(4) Luân hồi (Samsàra): Chúng sanh chịu sanh tử trong sáu đường phàm, phu xoay vần không bao giờ dừng như bánh xe quay không không có điểm ngừng nghỉ.

(5) Tỳ kheo (Bikhu): Khất sĩ, người ăn xin. Vì chấm dứt sinh nghiệp nên khất thực để nuôi thân, vì muốn giải thoát nên cầu Pháp nuôi tâm.

(6) Pháp hữu vi: Những pháp sinh ra do nhân duyên, những pháp này là pháp sinh ra do tạo tác nên gọi là pháp hữu vi.

(7) Vô ký (abyakrta): không thiện, không bất thiện.

(8) Pháp Tánh: Thể tánh của các pháp, thường tồn bất biến, là Chân Như. Pháp Tánh còn gọi là Pháp trụ, Pháp Thân, Pháp Giới, Chân Tế, Thật Tướng v.v...

(9) Tứ đại: Bốn yếu tố lớn tạo nên sắc thân con người: đất, nước, gió, lửa.

(10) Ca Diếp (Kacyapa): Một trong mười đệ tử lớn của Phật, chuyên tu hạnh đầu đà. Theo truyền thống Thiền Tông, Ngài là vị Tổ đầu tiên của Tông Thiền, được Phật truyền Tâm Ấn.

(11) Điên đảo: Trái nghịch với chân lý, như lấy khổ làm vui, cho giả là thật, cho vô thường là thường...

(12) Huyền (Maya): giả, không có thật.

(13) Vô thường (Anicca): Mọi sự vật trong thế gian luôn luôn đổi thay, biến dịch, không có tính cố định.

(14) Thần Thức: Tâm thức linh diệu không thể nghĩ bàn của tất cả loài hữu tình. Phật Giáo không chấp nhận một linh hồn bất biến, nhưng cho rằng thần thức là động lực chỉ đạo sự tái sinh của mọi chúng sanh.

(15) Pháp Giới Tánh: Pháp Tánh (xem ở trên).

(16) Dư Tập: Những thói quen còn sót lại sau khi đã dứt trừ được phiền não (ngộ đạo, kiến Tánh), còn gọi là Tàn tập, Tập khí, Dư khí. Những tập khí này sẽ dần dần tự tiêu diệt.

(17) Hành: Những tạo tác của thân, miệng, ý, những tạo khởi trong pháp hữu vi, lưu chuyển trong sinh tử luân hồi.

(18) Chiên đà la (Cadala): Hạng người bị coi là hạ tiện, không được liệt vào bốn giai cấp của xã hội Ấn độ ngày xưa là SátĐ ế Ly, Bà La Môn, Phệ Xá, Thủ Đà La.

(19) Tâm Ấn: Thiền Tông không dựa vào văn tự, truyền riêng ngoài giáo, vị Thầy chỉ ấn định ý nghĩa chân thật của Phật Pháp cho đệ tử, gọi là truyền Tâm Ấn.

(20) Đốn Giáo: Giáo pháp chỉ dạy con đường trực tiếp nhanh chóng thấy được Tự Tánh, chứng đắc quả Phật.

### 3. NGỘ TÁNH LUẬN

Đạo lấy tịch diệt làm thể, Tu lấy lìa tướng làm chỗ về. Do đó Kinh dạy: "Tịch diệt là bồ đề, diệt các tướng vậy." Phật có nghĩa là giác ngộ. Người có tâm giác ngộ thì đạt được đạo Bồ Đề, gọi là Phật. Kinh dạy: "Lìa hết thảy các tướng gọi là Phật." Như thế biết rằng có tướng là tướng không hình tướng, không thể dùng mắt thấy, chỉ có thể dùng trí mà biết. Nếu có người nghe pháp này mà sinh được một niệm tin người này đã phát khởi Đại Thừa, vượt ra ba cõi.

Ba cõi là tham, sân, si. Ngược lại với tham sân si là giới, định, huệ, gọi là vượt ra ba cõi. Tham, sân và si cũng không có tính chân thật, chỉ là nương nơi chúng sanh mà gọi. Nếu có thể phản chiếu, khi nhận rõ sẽ thấy tánh của tham sân si tức là tánh Phật. Ngoài tham sân si không có tánh Phật nào khác. Kinh dạy: "Chư Phật từ xưa đến nay thường ở trong ba độc nuôi lớn Pháp trong sạch, mà thành đấng Thế Tôn." Ba độc là tham, sân và si.

Nói rằng Đại Thừa là Tối Thượng Thừa, là nói chỗ tu hành của các bậc Bồ Tát (1). Không chỗ nào là không thừa (chở), cũng không có chỗ thừa. Suốt ngày chở mà chưa từng chở. Đó là Phật Thừa. Kinh dạy: "Không (Vô) Thừa là Phật Thừa." Như có người biết rằng sáu giác quan là không thật, năm uẩn (2) chỉ là giả đặt, tìm kiếm khắp chỗ mà không có nơi an định, nên biết người này hiểu rõ lời Phật. Kinh dạy: "Hang động của năm uẩn gọi là thiên viện, mở con mắt chiếu soi vào bên trong là cửa vào Đại thừa." Điều này không rõ ràng lắm sao?

Không ghi nhớ một pháp nào gọi là thiên định. Nếu hiểu được điều này thì đi đứng nằm ngồi đều là thiên định. Biết tâm là không, đó là thấy Phật. Vì sao vậy? Chư

Phật trong mười phương đều là vô tâm. Không thấy có tâm, gọi là thấy Phật. Bỏ thân không tiếc gọi là đại bố thí. Rời khỏi sự động, sự định gọi là tọa thiền. Vì sao vậy? Người phàm phu chỉ hướng ra động, bậc Tiểu thừa chỉ hướng vào định. Pháp môn tọa thiền vượt ra khỏi phàm phu và Tiểu thừa gọi là Đại Tọa Thiền. Nếu hiểu được lý này, hết thấy các tướng không cầu mà tự cõi bỏ, hết thấy các bệnh không trị mà tự lành. Đó đều là sức mạnh của Đại Thiền Định.

Theo tâm cầu pháp là mê, không theo tâm cầu pháp là ngộ, không dính mắc vào văn tự gọi là giải thoát, không nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp, ra khỏi sinh tử gọi là xuất gia, không phải sinh lại gọi là đạt đạo, không sinh vọng tưởng gọi là Niết Bàn, không bị vô minh gọi đại trí tuệ, không có phiền não gọi là Niết Bàn, không thấy tướng tâm gọi là bỉ ngạn (bờ bên kia).

Khi mê thì có bờ bên này, khi ngộ thì không còn bờ bên này. Vì sao vậy? Vì phàm phu chỉ ở bên này, khi giác ngộ Tối Thượng Thừa, tâm không trụ bên này cũng không trụ bên kia, nên có thể rời khỏi bờ bên này, bên kia. Nếu thấy bờ bên này khác với bờ bên kia, tâm của người này không đạt được thiền định.

Phiền não gọi là chúng sanh, ngộ giải gọi là Bồ đề, hai việc này không đồng cũng không khác, chỉ là do mê ngộ cách nhau. Khi mê thì có thể gian để ra khỏi, khi ngộ không có thể gian để ra khỏi.

Trong pháp bình đẳng, không thấy phàm phu khác với bậc Thánh. Kinh dạy: "Đối với pháp bình đẳng (3), kẻ phàm phu không thể vào được, bậc Thánh không thực hành được." Pháp bình đẳng chỉ có các Đại Bồ Tát và các đức Phật Như Lai mới thực hành được. Nếu thấy sống và chết khác nhau, động và tịnh khác nhau, như vậy là không bình đẳng. Không thấy phiền não (4) khác với Niết Bàn, gọi là bình đẳng. Vì sao? Phiền não và Niết Bàn đều cùng một tánh không (5). Bậc Tiểu thừa vọng trừ phiền não, vọng nhập Niết Bàn, bị vướng mắc nơi Niết Bàn. Bồ Tát biết phiền não tánh không, tức không rời không, nên thường ở trong Niết Bàn. Niết Bàn, Niết bèn là không sinh, Bàn bèn là không chết. Ra ngoài sinh tử, ra khỏi Niết Bàn, tâm không đi, đến, tức là nhập Niết Bàn. Do đó biết rằng Niết Bàn là tâm không. Chư Phật nhập Niết Bàn là ở nơi không vọng tưởng. Bồ Tát nhập đạo tràng (6) là ở chỗ không phiền não.

Chỗ trống không là chỗ không có tham, sân, si. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc. Khi tâm niệm khởi tức là vào ba cõi, khi tâm niệm diệt tức ra ba cõi. Cho nên biết rằng sự sinh diệt trong ba cõi, sự có không của các pháp, đều do tâm mà khởi. Nói pháp tức là gồm cả những vật vô tình như gạch ngói, đá, cỏ, cây cối.

Nếu biết tâm chỉ là giả đặt tên, không có bản thể chân thật, tức hiểu tự tâm cũng chẳng là có, cũng chẳng là không. Vì sao? Phàm phu chỉ có khởi tâm, gọi là có. Tiểu thừa thì cố diệt tâm, gọi là không, Bồ Tát và Phật chưa từng sinh tâm, chưa từng diệt tâm, gọi là tâm chẳng có chẳng không. Tâm chẳng có chẳng không gọi là Trung Đạo. Cho nên biết rằng đem tâm học pháp, thì tâm và pháp đều mê mờ. Không đem tâm học pháp thì tâm và pháp đều ngộ. Mê là mê cái ngộ. Ngộ là ngộ cái mê. Người có chính kiến, biết tâm không vô, liền vượt khỏi mê, ngộ. Không có cả mê lẫn ngộ là hiểu biết chân chính.

Cái thấy chân chính là sắc chẳng phải chính là sắc, do tâm nên có sắc, tâm chẳng phải chính là tâm, do sắc có tâm, cho nên biết rằng tâm và sắc nương nhau sinh diệt. Có là có nơi không, không là không nơi có. Đó là cái thấy chân thật. Cái thấy chân thật là không cái gì là chẳng thấy, cũng không có cái gì được thấy, thấy khắp mười phương mà chưa từng thấy. Vì sao? Vì không có chỗ thấy, vì thấy cái không chỗ thấy, vì thấy không phải là thấy. Cái thấy của người phàm đều là vọng tưởng. Nếu tịch diệt (7) rời cái thấy gọi là thấy chân thật.

Tâm và cảnh đối nhau, cái thấy sinh ra từ đó. Nếu bên trong không khởi tâm, thì bên ngoài sẽ không sinh cảnh. Cảnh và tâm đều tịnh gọi là thấy chân thật. Khi hiểu được điều đó, gọi là hiểu chân chính.

Chẳng thấy một pháp gọi là đắc đạo. Chẳng hiểu một pháp gọi là giải thoát. Vì sao? Thấy và không thấy đều là không thấy. Hiểu và không hiểu đều là không hiểu. Thấy mà không thấy được gọi là thấy chân thật. Hiểu mà không hiểu được gọi là hiểu lớn.

Cái thấy chân chính không phải là cái thấy như là thấy, cũng là cái thấy không thấy. Cái hiểu chân thật không phải là cái hiểu như là hiểu, cũng là cái hiểu không hiểu. Phàm có đối tượng để hiểu thì là không hiểu. Không có đối tượng để hiểu tức là hiểu chân chính. Hiểu và không hiểu đều là không hiểu.

Kinh dạy: "Không rời trí huệ gọi là huệ ngưng (trí tuệ không lưu thông)." Nếu tâm là không thì hiểu và không hiểu đều là chân thật. Nếu tâm là có, hiểu và không hiểu đều là hư dối.

Khi hiểu thì pháp theo người, khi không hiểu thì người theo pháp. Nếu pháp theo người thì phi pháp cũng thành pháp. Nếu người theo pháp thì pháp cũng thành phi pháp. Nếu người theo pháp thì pháp là trợ đạo. Nếu pháp theo người thì pháp là chân thật. Vì vậy Thánh nhân không đem tâm cầu pháp, cũng không lấy pháp cầu tâm, cũng không lấy tâm cầu tâm, cũng không lấy pháp cầu pháp. Tâm không sinh pháp, pháp không sinh tâm. Tâm và pháp cả hai đều rỗng lặng. Cho nên thường ở trong định.

Tâm chúng sinh sinh thì Phật Pháp diệt, tâm chúng sinh diệt thì Phật Pháp sinh. Tâm sinh thì pháp chân thật diệt, tâm diệt thì pháp chân thật sinh. Người biết hết thấy các pháp không dính mắc nhau là người đắc đạo. Biết tâm không dính mắc vào một pháp, người này thường ở trong Đạo tràng.

Khi mê thì có tội, khi hiểu thì không tội. Vì sao? Tính của tội vốn không. Khi mê thì không tội cũng thấy có tội. Khi hiểu thì có tội mà không tội. Vì sao? Vì tội không có xứ sở. Kinh dạy: "Các pháp không có tính." Hãy theo mà ứng sinh tâm nghi ngờ. Nghi tức là thành tội. Vì sao? Tội do nghi mà sinh. Nếu hiểu như vậy, các tội đời trước liền tiêu diệt. Khi mê thì sáu thức, năm ấm đều là pháp phiền não sinh tử. Khi ngộ thì sáu thức, năm ấm đều là pháp Niết Bàn không sinh tử.

Người tu đạo không cầu đạo ở bên ngoài. Vì sao? Vì biết tâm là đạo. Khi thấy được tâm thì biết không có cái tâm có thể đắc. Khi thấy được đạo thì biết không có đạo có thể đắc. Nếu bảo rằng có thể đem tâm cầu đạo, đó là tà kiến. Khi mê có Phật có Pháp. Khi ngộ, không Phật không Pháp. Vì sao? Ngộ tức là Phật Pháp.

Nói về tu đạo, thân diệt đạo mới thành, như vỏ cây bóc ra từ thân cây. Thân nghiệp báo này biến dịch trong từng niệm niệm, không có thứ gì cố định. Theo niệm mà khởi tu. Không ghét sanh tử, cũng không ham mê sinh tử, chỉ trong mỗi niệm không có vọng tưởng thì ngay trong lúc còn sống chứng Hữu Dư Niết Bàn (8), khi chết được Vô Sinh Pháp Nhân (9).

Mắt thấy hình tướng không nhiễm nơi hình tướng, tai nghe tiếng không nhiễm nơi tiếng tức là giải thoát. Mắt không dính vào hình tướng, mắt là cửa thiền. Tai không dính vào tiếng, tai là cửa thiền. Nói tóm lại, người nào thấy sự hiện hữu của hiện tượng và tánh của hiện tượng mà không vướng mắc thì luôn được giải thoát. Người thấy hình tướng bên ngoài của hiện tượng thường bị trói buộc. Không bị phiền não trói buộc là giải thoát, không có giải thoát nào khác. Khéo chiếu soi vào hiện tượng, hiện tượng không làm khởi tâm, tâm ững không sinh khởi hiện tượng, tức hiện tượng và tâm cả hai đều thanh tịnh.

Khi không còn vọng tưởng, tâm là cõi Phật, khi có vọng tưởng, tâm là địa ngục. Chúng sanh tạo tác vọng tưởng, lấy tâm sinh tâm, nên thường ở chốn địa ngục. Bồ Tát quán sát vọng tưởng, không đem tâm sinh thêm tâm, nên thường ở cõi Phật. Nếu không lấy tâm sinh tâm, mỗi khởi tâm đều nhập vào không, mỗi khởi niệm đều về chỗ thanh tịnh, đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác. Nếu lấy tâm sinh tâm, mỗi khởi tâm đều bất tịnh, mỗi khởi niệm đều hướng về chỗ động, đi hết địa ngục này lại qua địa ngục khác. Khi một tâm niệm khởi lên, liền hiện hai nghiệp thiện ác, liền có thiên đường địa ngục. Một tâm niệm không khởi thì không có hai nghiệp thiện ác, cũng không có thiên đường địa ngục.

Thế không có cũng chẳng không. Tại phàm phu thì gọi là có, nơi Thánh thì không. Thánh nhân không có tâm đó nên rộng không, rộng lớn như bầu trời.

Sau đây là sự chứng nhập đại đạo, không phải là cảnh giới của phàm phu và tiểu thừa.

Khi tâm đắc Niết Bàn thì không thấy có Niết Bàn. Vì sao? Vì tâm chính là Niết Bàn. Nếu ngoài tâm thấy Niết Bàn, đó là mắc vào tà kiến.

Hết thấy các phiền não là hạt giống tâm của Như Lai, vì do phiền não mà được trí tuệ. Nhưng chỉ có thể nói rằng phiền não sinh Như Lai, không thể bảo rằng phiền não là Như Lai. Do đó, thân tâm là ruộng nương, phiền não là hạt giống, trí tuệ là chồi mầm, Như Lai ví như lúa thóc.

Phật ở trong tâm như hương thơm trong cây. Phiền não nếu không còn thì Phật từ tâm mà hiện, giống như khi cây không thối mục thì hương thơm phát ra, cho nên biết rằng ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương đó là hương của vật khác, nếu ngoài tâm có Phật tức là Phật nào khác.

Trong tâm có ba độc (10) gọi là cõi rước dơ xấu (quốc độ uế ô). Trong tâm không có ba độc thì là cõi rước thanh tịnh. Kinh dạy: "Nếu làm cho cõi rước không trong sạch, đầy những dơ xấu, các đức Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó là việc chưa từng có." Bất tịnh, dơ xấu thuộc về vô minh và ba độc. Chư Phật Thế Tôn thuộc về tâm thanh tịnh giác ngộ.

Hết thầy ngữ ngôn không gì chẳng là Phật Pháp. Nếu suốt ngày thường nói mà chẳng nói một lời đó là đạo. Nếu suốt ngày không nói mà có điều để nói, đó là phi đạo. Do đó Như Lai nói mà không nương nơi yên lặng, yên lặng mà không nương nơi nói, nói cũng không rời yên lặng. Người ngộ được sự nói nín như vậy là ở trong tam muội (11). Nếu khi biết mà nói, nói là giải thoát. Nếu không biết, không nói cũng là trói buộc. Do đó, lời nói nếu rời tướng trạng thì nói là giải thoát. Yên lặng mà dính vào tướng trạng, yên lặng cũng là trói buộc. Tính của văn tự vốn là giải thoát, văn tự không có gì trói buộc, trói buộc vốn không can hệ với văn tự.

Pháp (chân lý) không có cao thấp, nếu thấy có cao thấp thì không phải là Pháp. Không có Pháp nào là bè, nhưng Pháp là cái bè của người. Người chèo chiếc bè đó có thể vượt qua phi pháp, thì đó là Pháp chân thật.

Theo thế tục thì có nam, nữ, giàu, nghèo. Theo lý đạo thì không có nam, nữ, giàu, nghèo. Thiên nữ khi ngộ đạo không đổi hình nữ, Xá Nặc khi hiểu đạo không đổi cách xưng (tiện xưng). Điều đó chứng tỏ rằng không có nam nữ, giàu nghèo, tất cả đều từ một tướng. Thiên nữ trong mười hai năm cầu dứt nữ tướng mà không được, nên biết mười hai năm cầu tướng nam cũng không thể được. Mười hai năm tức là mười hai nhập (12).

Ngoài tâm không có Phật, ngoài Phật không có tâm, ững như ngoài nư ớc không băng, ngoài băng không nước. Nói rằng bỏ tâm không phải là xa rời tâm, chỉ bảo đừng mắc vào tướng tâm. Kinh dạy: "Không thấy tướng gọi là thấy Phật." Đó là rời tướng tâm vậy.

Lìa tâm không Phật có nghĩa là Phật từ tâm mà đến. Tâm sinh Phật. Tuy Phật từ tâm mà sinh, nhưng tâm không từ Phật sinh, giống như cá sinh từ nước, nhưng nước không sinh từ cá. Muốn thấy cá thì không phải thấy cá trước mà thấy nước trước. Muốn thấy Phật, không thấy Phật mà trước thấy tâm. Khi thấy nước thì quên cá, khi thấy Phật thì quên tâm. Nếu không quên tâm thì sẽ bị tâm lôi kéo, nếu không quên nước thì sẽ bị nước làm mê.

Chúng sanh và Bồ đề (13) cũng như băng với nước. Vì bị ba độc đốt cháy nên là chúng sanh, khi ba độc được ba môn giải thoát (14) rửa sạch thì là Bồ đề. Mùa lạnh đông lại là băng, mùa Hạ tan ra là nước. Bỏ băng thì không còn nước. Nếu bỏ chúng sanh thì không có Bồ đề nào bên ngoài. Nên biết rõ tánh băng tức tánh nước, tánh nước tức tánh băng. Tánh chúng sanh tức tánh bồ đề. Chúng sanh và Bồ đề đồng một tánh, giống như ô đầu và phủ tử có chung rễ, nhưng chỉ không sinh cùng thời tiết. Vì mê cho rằng cảnh khác nhau nên có tên chúng sanh và Bồ đề. Khi rắn thành rồng không đổi vảy, phàm chuyển thành Thánh không thay đổi mặt, chỉ tỏ rõ tâm bằng trí tuệ ở bên trong, soi chiếu thân bằng giới hạnh bên ngoài.

Chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh, gọi là bình đẳng. Chúng sanh độ Phật, tức là phiền não sinh giác ngộ. Phật độ chúng sanh tức là giác ngộ diệt trừ phiền não. Nên biết rằng chẳng phải không có phiền não, chẳng phải không có giác ngộ. Không thể không có phiền não mà có giác ngộ, không thể không có giác ngộ mà hết phiền não. Khi mê Phật độ chúng sanh, khi ngộ chúng sanh độ Phật. Vì sao? Phật không tự thành mà đều do chúng sanh độ. Chư Phật lấy vô minh làm cha, lấy

tham ái làm mẹ. Vô minh, tham ái đều là tên gọi khác của chúng sanh. Chúng sanh với vô minh như tay trái với tay phải, chẳng khác biệt.

Khi mê ở bờ bên này, khi ngộ ở bờ bên kia. Nếu biết tâm là Không, không thấy tướng, thì rời cả mê và ngộ. Khi rời mê ngộ thì cũng không có bờ bên kia. Như Lai không ở bờ bên này cũng không ở bờ bên kia, cũng không ở giữa giòng. Giữa giòng là Tiểu thừa. Bờ bên này là phàm phu. Bờ bên kia là Bồ đề.

Phật có ba thân là Hóa thân, Báo thân và Pháp thân (15). Hóa thân cũng đư ợc gọi là Ứng thân. Khi chúng sanh hiện tạo tác việc lành là Hóa thân, hiện tu trí tuệ là Báo thân, hiện giác ngộ vô vi là Pháp thân. Thường hiện bay đi mười phương theo ý muốn mà cứu tế là Hóa Thân Phật, chặt đứt nghi ngờ tức thị hiện Thánh Đạo ở núi Tuyết, đó là Báo Thân Phật, không nói, không thuyết, không làm, không đặc, trạm nhiên thường trụ, đó là Pháp Thân Phật. Nhưng nói cho đến cùng thì một thân Phật còn không có, hưởng gì là có ba. Nói có ba chỉ là dựa trên sự biết của con người.

Người có ba hạng là thượng trung và hạ. Người hạ trí lằm nuôi nguồn phúc, lằm thấy Hóa thân Phật. Người trung trí lằm phá phiền não, lằm thấy Báo Thân Phật. Người thượng trí lằm chứng Bồ Đề, lằm thấy Pháp Thân Phật. Người thượng thượng trí, nội chiếu tròn lặng, hiểu rõ tâm tức là Phật, không nương vào tâm mà chứng Phật Trí, biết ba thân và vạn pháp đều không thể với cũng không thể bàn. Đó là tâm giải thoát, thành tựu đạo lớn. Kinh dạy: "Phật không thuyết Pháp, không độ chúng sanh, không chứng Bồ Đề." Đó là điều tôi muốn nói.

Chúng sanh tạo nghiệp (16), nghiệp không tạo chúng sanh. Đời này tạo nghiệp, đời sau nhận quả, không thể tránh khỏi. Chỉ có người nào nơi thân này không tạo nghiệp thì mới không thọ báo. Kinh dạy: "Các nghiệp không tạo, tự nhiên đặc đạo." Đó là lời vu vơ hay sao!? Người tạo ra nghiệp, không thể tạo ra người. Người khi tạo nghiệp, nghiệp và người cùng sinh. Người khi không tạo nghiệp, nghiệp và người cùng diệt. Do đó biết rằng nghiệp là do người tạo ra, người do nghiệp sinh ra. Người nếu không tạo nghiệp thì nghiệp không còn lý do sinh người. Cũng như người có thể hoăng (truyền) đạo, đạo không thể hoăng người.

Ngày nay còn phàm phu nên tưng tạo nghiệp, nói lời hư dối rằng không có quả báo. Làm sao tránh khỏi khổ báo? Tâm trước tạo, tâm sau chịu báo, làm sao thoát được? Tâm niệm trước không tạo thì tâm niệm sau không chịu quả. Đừng hiểu lằm nghiệp báo.

Kinh dạy: "Dù tin có Phật mà bảo rằng Phật khổ hạnh, đó là tà kiến. Dù tin có Phật mà bảo rằng Phật có phước báo kim thương mã m ạch (giàu sang), đó là đức tin chưa đủ, gọi là nhất xiển đề (17)."

Người hiểu được pháp Thánh là Thánh nhân, người hiểu pháp phàm là phàm nhân. Chỉ người bỏ pháp phàm để theo pháp Thánh tức là phàm phu thành Thánh nhân. Người ngu ở thế gian chỉ muốn cầu Thánh nhân ở xa, không tin rằng tâm trí tuệ là Thánh nhân. Kinh dạy: "Nơi người không có trí tuệ, đừng thuyết kinh này." Kinh cũng dạy: "Tâm là Pháp." Người không có trí không tin nơi tâm này, cho rằng hiểu được Pháp là thành Thánh nhân, chỉ muốn tìm học bên ngoài, ham thích tượng

Phật, hào quang, hương sắc các sự trong không trung, đều rơi vào tà kiến, mất tâm trong cuồng loạn.

Kinh dạy: "Thấy các tướng không phải là tướng, tức thấy Như Lai." Tám vạn bốn ngàn pháp môn thầy đều do một tâm mà khởi. Nếu tâm tướng trong lặng như hư không, tức ra khỏi thân tâm.

Tám vạn bốn ngàn phiền não là gốc rễ của bệnh. Người phạm đương sống sợ chết, khi no lo đói, đó là mê mờ lớn. Cho nên Thánh nhân không để tâm vào chuyện đã qua, không lo chuyện tương lai, không tham luyến chuyện hiện tại, niệm niệm đều hướng về đạo. Nếu chưa ngộ chân lý lớn lao này, thì nên sớm tìm vị thiện trí thức của trời người, đừng để mất cả hai.

### **Chú thích:**

(1) Bồ Tát (Bodhisatva): Tên đầy đủ là Bồ Đề Tát Đỏa, Tàu dịch là Giác hữ tình, là chúng sanh có tâm cầu đạo, là những vị cầu chứng được quả Phật.

(2) Năm uẩn (Skandha): Uẩn xưa dịch là ấm, có nghĩa là tích tập. Năm uẩn là năm yếu tố tích tập thành con người, đó là: Sắc uẩn: yếu tố vật chất; Thọ uẩn: yếu tố cảm nhận của tâm đối trước ngoại cảnh; Tưởng uẩn: Yếu tố tạo ra sự tưởng tượng của tâm trước ngoại cảnh; Hành uẩn: Yếu tố tạo ra ý muốn, ý chí, phát sinh tham, sân, si của tâm đối trước ngoại cảnh; Thức uẩn: Yếu tố phân biệt, suy nghĩ của tâm đối trước ngoại cảnh.

(3) Pháp Bình Đẳng: Pháp vượt ngoài mọi phân biệt, sai biệt. Chính giác của Như Lai không phân biệt cao, thấp, sâu, cạn nên gọi là Bình đẳng giác. Bình Đẳng Tính Trí là một trong bốn Trí của chư Phật. Khi giác ngộ, Mạt Na Thức chuyển thành Bình Đẳng Tính Trí, là Trí không còn đối đãi, phân biệt.

(4) Phiền não (Klesa): Với đạo Phật, ba phiền não chính là Tham, Sân, Si. Có thể thêm Mạn và Nghi. Mạn là coi mình là hơn hết, Nghi là không có tâm quyết định.

(5) Tánh Không (Sunyata): Chân Như, Thực Tính. Chân Như, Thực Tính là hai chấp ngã và pháp, nương vào Không để hiển lộ nên đồng nghĩa với Tánh Không.

(6) Đạo tràng (Bodhi-manda): Chỗ Phật thành Đạo, dưới gốc cây Bồ Đề bên bờ sông Ni Liên. Về sau từ đạo tràng dùng chỉ những nơi thờ Phật, tu hành, thuyết giảng, tham thiền.

(7) Tịch diệt: Chấm dứt mọi vọng tưởng.

(8) Hữu Dư Niết Bàn: (Đại Thừa) Cảnh giới tịch diệt không còn tạo nhân cho sinh tử biến dịch. Ngược với Vô Dư Niết Bàn là quả chứng được Pháp Thân thường trụ do không còn tạo nhân sinh tử biến dịch.

(9) Vô Sanh Pháp Nhẫn: Chứng được, quyết định được nơi lý thể không sanh không diệt, tức Thực Tướng Trung Đạo của các pháp. Nhẫn có nghĩa là có thể quyết định.

(10) Ba độc: Tham, Sân, Si.



(11) Tam Muội (Samadhi): Còn có tên là Tam Ma Đề, Định, Định Thọ, Định Trì, Đăng Niệm, Định Tâm Hành Xứ. Tâm định trụ vào một chỗ không chao động, không có tạp niệm xen vào.

(12) Mười Hai nhập (Mười hai xứ): Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

(13) Bồ đề (Bodhi - Đạo, Giác): Đạo là thông suốt, Giác là giác ngộ.

(14) Ba môn giải thoát: Không, Vô Tướng, Vô tác.

(15) Hóa thân, Báo thân, Pháp thân: ba thân của Phật. Hóa thân là thân ứng hóa để cứu độ chúng sanh, Báo thân là thân thanh tịnh, trí huệ chỉ có Phật và Bồ tát mới thấy được, và Pháp thân là thân vũ trụ, bình đẳng cùng khắp.

(16) Nghiệp (Karma): Những hành động thiện, ác, không thiện không ác do thân, miệng, ý tạo ra. Những hành động này là nghiệp nhân tạo ra những nghiệp quả là vui, khổ, không vui không khổ trong ba cõi.

(17) Nhất xiển đề (Iechantika - Bất tín): Người không tin Phật Pháp, do đó không có tính thành Phật.

## 4. PHÁ TƯỚNG LUẬN

### Luận viết:

Nếu có người hết tâm cầu Phật đạo, nên tu pháp gì là tinh yếu hơn cả.

Đáp: Chỉ có một pháp quán tâm bao trùm hết các pháp, rất là tinh yếu.

Hỏi: Làm sao một pháp có thể bao trùm các pháp?

Đáp: Tâm là gốc rễ của vạn pháp. Hết thảy các pháp chỉ từ tâm mà sinh. Nếu hiểu được tâm thì vạn pháp đều sẵn đủ nơi đó. Ví như cây lớn, cành lá hoa quả thảy đều do rễ mà có. Dù có chặt cây mà còn rễ thì còn sinh sản. Nếu chặt rễ thì cây chết. Nếu hiểu tâm tu đạo thì dùng sức ít mà thành tựu. Không hiểu tâm mà tu đạo, phí công mà vô ích. Cho nên biết rằng hết thảy thiện ác đều do tự tâm. Tìm kiếm ngoài tâm rất không thể được.

Hỏi: Tại sao quán tâm gọi là hiểu?

Đáp: Bồ Tát Ma Ha Tát khi thực hành sâu xa Bát Nhã Ba La Mật Đa, hiểu rõ bốn đại, năm uẩn vốn không, không có ngã, thấy rõ sự khởi dụng của tâm có hai loại sai biệt. Là hai loại nào? là tâm tịnh và tâm nhiễm. Hai loại tâm đó xưa nay tự nhiên đều sẵn có, chỉ từ giả duyên (1) mà thành, theo nhân mà đến. Tâm tịnh thường thích nhân lành, tâm nhiễm thường nghĩ nghiệp xấu. Nếu không thọ sự nhiễm, thì gọi là Thánh, có thể rời xa các khổ, chứng sự vui Niết Bàn (2). Nếu rơi vào tâm nhiễm, tạo nghiệp nhận chịu sự trói buộc gọi là phàm, chìm đắm trong ba cõi, chịu hết các thứ khổ. Vì sao vậy? Vì do nhiễm tâm kia ngăn che thể Chân Như (3) vậy.

Kinh Thập Địa dạy: "Trong thân chúng sanh có Kim Cang Phật tánh (tánh Phật rắc chắc), giống như mặt trời thể sáng tròn đầy, rộng lớn không ngăn, chỉ vì bị đám

mây năm thứ mờ tối che khuất, như ánh đèn để trong bình không thể hiện ra." Kinh Niết Bàn dạy: "Hết thảy chúng sanh đều có tánh Phật, vì bị vô minh che khuất cho nên không được giải thoát. Tánh Phật tức là tánh giác: giác cho mình, giác cho người. Biết rõ ràng sự giác tức là giải thoát." Cho nên biết rằng tất cả các việc lành lấy sự giác làm nguồn cội. Từ cội rễ của sự giác mà mọc lớn cây công đức. Quả Niết Bàn cũng từ đó mà thành. Quán tâm như vậy được là hiểu.

Hỏi: Trên có nói rằng hết thảy công đức của Chơn Như Phật Tánh đều lấy Biết (Giác) làm gốc. Vậy thì gốc của tâm vô minh là gì?

Đáp: Tâm vô minh tuy có tám vạn bốn ngàn phiền não, tình dục, và hằng hà sa các điều ác, nhưng đều do ba độc là nguồn cội. Ba độc này là tham, sân và si. Tâm ba độc này chứa đầy hết thảy các ác, giống như cây lớn, rễ tuy chỉ có một mà sinh ra vô số cành lá. Rễ tam độc kia, mỗi mỗi rễ sinh sản trăm ngàn vạn ức lần nhiều gấp hơn, không thể ví dụ.

Tâm ba độc đó từ trong bản thể ứng hiện ra sáu căn (4), gọi là sáu giác (lục tặc), tức là sáu thức (5). Do sáu thức này ra vào các căn, tham trước các cảnh tượng mà tạo thành nghiệp ác che khuất thể Chân Như, nên gọi là sáu thức. Hết thảy chúng sanh do ba độc, sáu thức này làm mê loạn thân tâm, chìm đắm trong sinh tử, luân hồi trong sáu nẻo, chịu các khổ não. Giống như do những suối nguồn nhỏ chảy về không ngớt tạo nên những con sông lớn lớn vạn dặm sóng cả. Nếu như có người dứt được suối nguồn, các con nước sẽ ngưng. Người cầu đạo giải thoát nên chuyển ba độc thành ba Tự Tịnh Giới (ba nhóm giới thanh tịnh) (6), chuyển sáu thức thành sáu Ba La Mật, tự nhiên vĩnh viễn rời khỏi hết thảy các khổ.

Hỏi: Sáu đường (7), ba cõi (8) rộng lớn không ngần mé, nếu chỉ quán tâm làm sao khỏi được sự khổ không cùng kia?

Đáp: Nghiệp báo trong ba cõi chỉ do tâm mà sinh ra. Nếu như vô tâm thì ở ngay trong ba cõi mà thoát ngoài ba cõi. Ba cõi tức là ba độc. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc, nên gọi là ba cõi. Do ba độc này tạo các nghiệp nặng nhẹ, thọ quả báo cũng không đồng nhau, chia làm sáu xứ, nên gọi là sáu đường (lục thú).

Hỏi: Tùy theo nặng nhẹ chia ra làm sáu như thế nào?

Đáp: Chúng sanh không biết nhân chân chính, lấy tâm mê tu thiện, không tránh khỏi ba cõi, sinh vào ba đường nhẹ. Ba đường nhẹ là gì? Vì mê tu mười thiện, vọng cầu sự vui, không ra khỏi đường tham, sinh vào loài trời. Người mê giữ năm giới, vọng khởi lòng ham muốn, không thoát khỏi đường sân, sinh vào loài người. Mê bám vào hữu vi, tin tà cầu phước, không thoát khỏi đường si, sinh vào loài A Tu La. Ba loại đó gọi là ba đường nhẹ (khinh thú). Ba đường nặng là gì? Theo tâm ba độc, chỉ tạo ra nghiệp ác, đọa vào ba đường nặng. Nếu tạo nghiệp tham nặng, đọa vào loài quỷ đói, nghiệp sân nặng, đọa vào loài địa ngục, nghiệp si nặng, đọa vào loài súc sanh. Như vậy ba đường nặng cộng với ba đường nhẹ là sáu đường. Cho nên biết rằng hết thảy các nghiệp khổ là do từ tâm mà sinh. Chỉ có giữ tâm rời bỏ các việc tà ác thì sự khổ luân chuyển trong ba cõi sáu đường tự nhiên tiêu diệt. Rời khổ tức là giải thoát.

Hỏi: Phật có nói: Ta từ ba a tăng kỳ kiếp, qua vô lượng sự cố gắng khổ nhọc mới thành tựu Phật đạo. Sao ngài lại nói chỉ quán tâm, chế ba độc tức là giải thoát?

Đáp: Lời Phật nói không hư dối. A tăng kỳ kiếp tức là ba tâm độc. Người Hồ nói "a tăng kỳ", người Hán nói là "không thể đếm." Trong ba tâm độc này, ác niệm nhiều như cát sông Hằng, mỗi niệm tức là kiếp, tức là hằng sa số kiếp không thể đếm được, cho nên nói là ba đại a tăng kỳ.

Tính Chân Như bị ba độc che khuất. Nếu không vượt ra ba loại tâm độc ác nhiều như số cát sông Hằng kia thì làm sao gọi được là giải thoát. Nếu chuyển ba tâm độc tham sân si thành ba giải thoát thì gọi là qua ba đại a tăng kỳ kiếp. Chúng sanh trong thời mạt thế, căn cơ ngu đần chậm chạp, không hiểu nghĩa bí mật chữ ba đại a tăng kỳ của Như Lai, nói rằng qua vô tận số kiếp cũng chưa thành Phật được, không phải làm cho người tu nghi lầm thối đạo Bồ Đề đó sao?

Hỏi: Bồ Tát Ma Ha Tát do giữ ba nhóm giới thanh tịnh (ba Tụ Tịnh Giới), thực hành sáu Ba La Mật, thành được Phật đạo. Ngày nay dạy người học đạo duy chỉ quán tâm, không tu các giới hạnh, làm sao thành Phật được?

Đáp: Ba nhóm tịnh giới tức là chế trừ ba tâm độc. Chế trừ ba độc thành vô lượng thiện tụ. Tụ tức là hội. Vô lượng pháp lành đều hội nơi tâm, gọi là ba Tụ Tịnh Giới. Sáu Ba La Mật tức thanh tịnh sáu căn. Người Hồ gọi là ba la mật, người Hán gọi là đáo bỉ ngạn (đến bờ bên kia). Sáu căn thanh tịnh không nhiễm sáu trần, tức qua sông phiền não, nên gọi là sáu Ba La Mật.

Hỏi: Kinh có dạy: "Ba tụ tịnh giới là nguyện dứt hết thảy điều ác, nguyện tu hết thảy các điều lành, nguyện độ hết thảy chúng sanh." Nay chỉ nói chế trừ ba tâm độc, như vậy có trái ngược hay không?

Đáp: Điều Phật dạy đều là lời chân thật. Bồ Tát Ma Ha Tát, trong nhân tu hành quá khứ, để đối với ba độc, phát ba thệ nguyện: Giữ hết các tịnh giới để đối với tham độc, nguyện dứt hết các ác. Thường tu định để đối với sân độc, nguyện tu hết các thiện. Thường tu huệ để đối với si độc, nguyện độ hết thảy chúng sanh. Do giữ ba loại pháp trong sạch giới định huệ, thoát khỏi ba độc mà thành Phật đạo. Chế trừ ba độc thì các ác tiêu diệt gọi là dứt. Giữ ba nhóm tịnh giới thì các thiện đầy đủ gọi là tu. Hay dứt ác tu thiện thì vạn hạnh thành tựu, mình và người đều được lợi, rộng giúp quần sanh, gọi là giải thoát. Nên biết rằng việc tu giới hạnh không rời nơi tâm. Nếu trong tâm thanh tịnh thì hết thảy cõi Phật đều được thanh tịnh. Do đó Kinh dạy: "Tâm cấu thì chúng sanh cấu, tâm tịnh thì chúng sanh tịnh." "Muốn được cõi Phật nên tịnh nơi tâm. Do tâm tịnh mà cõi Phật tịnh." Thế nên hay chế trừ các độc thì ba nhóm tịnh giới tự nhiên thành tựu.

Hỏi: Như Kinh dạy: "Sáu Ba La Mật còn gọi là sáu độ, là bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ." Nay bảo rằng sáu căn thanh tịnh gọi là Ba La Mật, là nghĩa thế nào? Sáu Độ là nghĩa thế nào?

Đáp: Muốn tu sáu độ, tịnh sáu căn, trước phải chiến thắng sáu thức. Bỏ nhãn thức, lia được sắc cảnh gọi là bố thí; chế ngự được nhãn thức, không để thanh trần theo vào gọi là trì giới, chế phục được thiệt thức, tự tại điều nhu trước mùi hương gọi là nhẫn nhục; chế ngự khẩu thức, không tham các vị ngon, tán vịnh, giảng thuyết, gọi là tinh tấn; chế ngự thân thức, đối với xúc chạm không khởi lòng động, gọi là thiền định; chế phục ý thức, không trôi theo vô minh, thường tu giác tuệ, gọi là trí tuệ. Sáu Độ là vận chuyển, sáu Ba La Mật dụ như thuyền bè, có thể vận chuyển chúng sanh qua bờ bên kia, nên gọi là sáu Độ.

Hỏi: Kinh dạy: "Đức Thích Ca Như Lai khi còn là Bồ Tát uống ba đấu sáu thăng cháo sữa mới thành Phật Đạo." Trước nhờ uống sữa, sau chứng quả Phật, sao nói rằng chỉ quán tâm là được giải thoát?

Đáp: Thành Phật như vậy không phải là nói sai, tất nhờ uống sữa sau mới thành Phật. Nói uống sữa có hai thứ sữa. Sữa mà Phật uống không phải là loại sữa bất tịnh của thế gian. Ba đấu là ba nhóm Tịnh Giới, sáu thăng là sáu Ba La Mật. Khi thành Phật đạo, do uống sữa Pháp thanh tịnh đó nên chứng quả Phật. Nếu cho rằng Như Lai uống loại sữa tanh hôi do sự hòa hợp của loài trâu bất tịnh ở thế gian là sự phi báng nặng. Chân Như là Pháp Thân (9) kim cương không thể hư hoại, vô lậu (10), vĩnh viễn xa lìa hết thảy các khổ thế gian, sao lại cần loại sữa bất tịnh để hết đói khát. Kinh dạy: "Con trâu này không ở tại cao nguyên, không ở tại nơi thấp ướt, không ăn lúa thóc cỏ rơm, không cùng bầy với trâu cái. Thân con trâu này màu vàng ròng." Đó là Đức Phật Tỳ Lô Giá Na (11), với lòng từ bi thương xót tất cả chúng sanh, nên từ trong Pháp Thể thanh tịnh phát ra pháp như diệu của ba nhóm Tịnh Giới và sáu Ba La Mật để nuôi dưỡng tất cả những ai cầu giải thoát. Đó là con trâu chân tịnh, nước sữa thanh tịnh, không chỉ Như Lai uống mà thành Đạo, hết thảy chúng sanh nếu được uống đều đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (12).

Hỏi: Trong Kinh, Phật dạy chúng sanh làm các công đức như tu tạo già lam, đúc vẽ hình tượng, đốt hương tán hoa, thắp đèn, ngày đêm sáu thời đi quanh tháp hành đạo, trì trai, lễ bái thì sẽ thành Phật. Nếu như nói chỉ quán tâm là bao hàm được hết thảy các hạnh thì những việc làm trên là dư thừa hay sao?

Đáp: Kinh Phật dạy có vô lượng phương tiện. Vì chúng sanh nhỏ hẹp, căn tánh chậm lụt, không ngộ được nghĩa sâu xa, cho nên giả lấy hữu vi dụ cho vô vi. Nếu không tu hạnh bên trong chỉ cầu bên ngoài, hy vọng thân được phước là chuyện không thể có.

Già lam là tiếng Ấn độ, nước này dịch là đất thanh tịnh. Nếu vĩnh trừ ba độc, thường thanh tịnh sáu căn, thân tâm trạm nhiên, trong ngoài đều thanh tịnh, đó gọi là sửa già lam.

Đúc vẽ hình tượng là những hạnh giác ngộ mà chúng sanh thực hành để cầu Phật đạo. Chân dung diệu tướng của Như Lai không thể dùng vàng đồng để tạo được. Do đó người cầu giải thoát lấy thân làm lò, lấy Pháp làm lửa, lấy trí tuệ làm thợ khéo, ba nhóm tịnh giới, sáu ba la mật làm mô dạng. Nấu luyện Chân Như Phật tánh trong thân cho vào chiếc khuôn giới luật. Theo đúng giáo lý thực hành không một chút lơ là, tự nhiên thành tựu hình tượng chân thật. Cho nên pháp thân vi diệu thường trụ cứu cánh, không phải là pháp hữu vi có thể hư hoại. Nếu có người cầu đạo không biết đúc vẽ hình tượng chân thật đó, nương vào chỗ nào mà nói công đức.

Đốt hương không phải loại hương có hình tư ướng của thế gian, nhưng là hương của chánh pháp vô vi, làm cho các nghiệp dơ xấu vô minh đều tiêu diệt hết. Hương chánh pháp đó có năm loại. Thứ nhất là hương giới là cắt đứt các ác, thực hành các thiện. Thứ hai là hương định, là tin sâu Đại Thừa tâm không lui sụt. Thứ ba là hương Tuệ là thường quán sát thân tâm. Thứ tư là hương giải thoát là cắt đứt sự trói buộc của vô minh. Thứ năm là hương tri kiến giải thoát là quán chiếu thường rõ ràng, thông đạt không vướng ngại. Năm loại hương này là loại hương tối thượng, thể

gian không có gì để so sánh. Khi Phật còn tại thế, dạy đệ tử dùng lửa trí tuệ đốt loại hương quý vô giá đó để cúng dường chư Phật mười phương, chúng sanh ngày nay không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, chỉ lấy lửa bên ngoài mà đốt loại hương vật chất thể gian làm bằng đàn hương, trầm hương để cầu phước báo, làm sao có được?

Nghĩa tán hoa cũng giống như vậy. Đó là thường thuyết Chánh Pháp. Các hoa công đức, lợi ích chúng sanh làm cho hết thảy đều được thấm nhuần, khắp làm trang nghiêm Tánh Chân Như. Hoa công đức được Phật tán thán này, mãi mãi thường còn, không có héo rụng. Người tán loại hoa này được phước vô lượng. Nếu cho rằng Như Lai dạy chúng sanh cắt hoa mầu, chặt thảo mộc để tán hoa thì không cóđi ều đó. Vì sao? Người giữ tịnh giới đối với sum la vạn tượng trong trời đất không làm cho bị xúc phạm. Người lỡ phạm còn bị tội lớn, huống là cố tình phá giới, làm hại vạn vật để cầu phước báo. Muốn được ích lợi mà làm tổn hại, có thể nào chăng?

Ngọn đèn sáng mãi tức là tâm chính giác. Khi được giác ngộ ví như ngọn đèn sáng. Do đó, người cầu giải thoát lấy thân làm đèn, tâm làm tim đèn, tăng tiến giới hạnh là dầu đèn, trí huệ sáng suốt dụ như lửa đèn. Đốt ngọn đèn giác ngộ chân chính đó chiếu phá tất cả vô minh mờ tối. Rồi luân chuyển truyền bày tức một ngọn đèn thấp sáng ngàn ngọn đèn, đèn đèn tiếp nhau được thắp sáng nên đèn được thắp sáng vô tận, do đó được gọi là sáng mãi.

Trong thời quá khứ có đức Phật tên là Nhật Nhiên Đấng ý nghĩa cũng như vậy. Những chúng sanh ngu tối không hiểu lời dạy phương tiện của Như Lai, thực hành theo hư dối, chấp trước vào hữu vi, đốt đèn dầu tô của thế gian thắp sáng phòng ốc nói là tuân theo Giáo Pháp, không là càn rỡ lắm sao? Bởi vì ánh sáng từ hào tướng giữa chân mây của Đức Phật phóng ra có thể chiếu soi vạn tám ngàn thế giới thì ngọn đèn dầu tô như vậy có ích lợi gì! Xét rõ lẽ đó còn không không rõ sao?

Sáu thời hành đạo là với sáu căn trong mọi lúc đều thực hành Phật Đạo, tu các hạnh giác ngộ. Lúc nào cũng điều phục sáu căn không rời bỏ gọi là sáu thời.

Nhiều tháp hành đạo, tháp là thân tâm. Làm cho giác huệ vòng khắp thân tâm, niệm niệm không dừng gọi là nhiều tháp. Các bậc Thánh trong quá khứ đều thực hành đạo lý này mà đắc Niết Bàn. Người ngày nay không hiểu lý này, không tu sửa bên trong mà chỉ cầu theo bên ngoài, lấy thân vật chất nhiều tháp thể gian, ngày đêm qua không hay biết, tự mình lao nhọc mà chẳng lợi gì cho chân tính.

Trì trai ý cũng không khác. Không hiểu được lý này thì không ích gì. Trì là chỉnh tề, có nghĩa là giữ thân tâm tề chỉnh không để cho bị tán loạn. Trì có nghĩa là giữ, là theo đúng Pháp Phật mà hộ trì giới hạnh. Bên ngoài ngăn cản sáu tình (14), bên trong cắt đứt ba độc, siêng quán xét, tịnh thân tâm. Hiểu rõ nghĩa này gọi là trì trai. Trì trai có năm loại thực phẩm. Thứ nhất là Pháp Hỷ thực, là nương theo Chánh Pháp, vui vẻ phụng hành. Thứ hai là Thiên Duyệt thực, là trong ngoài trong suốt vắng lặng, thân tâm vui đẹp. Thứ ba là Niệm thực, là thường niệm chư Phật, tâm và miệng tương ứng. Thứ tư là Nguyện thực, là trong lúc đi đứng nằm ngồi, thường hướng đến nguyện lành. Thứ năm là Giải Thoát thực, là tâm thường thanh tịnh, không nhiễm trần tục. Năm món ăn này gọi là trai thực. Không thể có người không ăn năm món thực phẩm thanh tịnh này mà nói rằng trì trai. Chỉ không ăn món ăn vô minh, ăn đến gọi là phá trai. Khi phá trai làm sao thấu hái phước đức. Ở thế gian nhiều người mê mờ không rõ lý này, để thân tâm phóng dật với các điều ác, tham

muốn theo tình cảm phóng túng, không sinh hổ thẹn, chỉ không còn ăn thức ăn bên ngoài tự cho là tri trai, không có việc như vậy.

Lễ bái cũng như vậy. Hiểu lý thể sáng suốt ở bên trong, sự việc tùy theo đó mà quyền biến. Lý có lúc hiển lộ, có khi ẩn kín. Hiểu rõ nghĩa này tức là theo đúng Phật Pháp. Lễ là kính, bái là khép mình. Cung kính chân tính và khuất phục vô minh gọi là lễ bái. Nếu ác tình dứt mất, niệm thiện hằng còn, tuy không hiện ra tướng cũng được gọi là lễ bái. Tướng đó tức là Pháp tướng. Đức Thế Tôn muốn cho người thể tục thể hiện sự khiêm nhường, giảm bớt tâm cống cao, đó cũng là lễ bái. Cho nên khuất phục ngoại thân là biểu thị sự cung kính bên trong. Lấy bên ngoài mà làm sáng bên trong, tánh và tướng tương ứng. Nếu không thực hành Phật pháp từ trong tâm, chỉ cầu theo bên ngoài, bên trong thả lỏng sân si, tạo các ác nghiệp, bên ngoài một thân một cách vô ích. Giả dối hiện ra uy nghi, không thẹn với các Thánh, lừa dối người phàm, không thể không thoát khỏi luân hồi, còn thành công đức được sao?

Hỏi: Kinh Ôn Thất dạy: "Tắm rửa chúng tăng gặt phước vô lượng." Đó là là nương vào sự để được công đức. Với quán tâm thì có gì tương ứng không?

Đáp: Tắm rửa chúng tăng không phải là tẩy sạch cái gì thuộc về thế gian hữu vi. Đức Thế Tôn khi dạy Kinh Ôn Thất cho đệ tử là muốn họ tuân giữ pháp tắm rửa, lấy sự việc ở thế gian tỉ dụ nguồn gốc chân thật, ngầm chỉ bảy việc cúng dường. Bảy việc đó là gì? Thứ nhất là tịnh thủy, thứ hai là lửa, thứ ba là táo đậu (một loại như xà phòng dùng tắm rửa), thứ tư là cành dương, thứ năm là tịnh hôi (tro sạch), thứ sáu là tô cao (một loại cao), thứ bảy là áo lót. Bảy pháp này dụ cho bảy sự. Hết thảy chúng sanh đều do sáu món này tắm gội trang nghiêm, trừ bỏ sự nhơ xấu của tâm độc ác và vô minh. Bảy pháp này, thứ nhất là tịnh giới, tẩy sạch lỗi lầm, như nước trong rửa sạch bụi dơ. Thứ hai là trí tuệ quán sát trong ngoài, như đốt lửa làm ấm nước trong. Thứ ba là phân biệt, bỏ bớt các việc ác ví như tô đậu có thể làm sạch những nhơ bẩn. Thứ tư là chân thật, cắt đứt các vọng tưởng, như nhai cành dương làm cho hơi miệng thơm sạch. Thứ năm là chánh tín, quyết định không nghi ngại, như tro sạch xoa thân, trừ được gió độc. Thứ sáu là nhu hòa nhẫn nhục, ví như tô cao làm thông nhuần da dẻ. Thứ bảy là hổ thẹn, hối lỗi những nghiệp ác, như áo lót che cái xấu của thân thể. Bảy việc nói trên là nghĩa chân thật của Kinh. Như Lai vì những người có căn tánh Đại Thừa mà giảng nói, không phải là nói cho những người phàm phu trí nhỏ. Do đó người thời nay không thể hiểu thấu. Ôn Thất tức là thân, là thấp ngọn lửa trí tuệ làm ấm nước tịnh giới để tắm gội Chân Như Phật Tánh trong thân. Nhận giữ bảy pháp (14) để tự trang nghiêm. Các bậc Tỷ kheo lúc đó là những bậc thượng trí đều hiểu ý của Phật, theo lời dạy tu hành nên công đức thành tựu, chứng được quả Thánh. Chúng sanh thời nay không đo lường việc đó dùng nước thế gian rửa thân vật chất tự cho là theo Kinh, không lầm lẫn lầm sao? Chân Như Phật Tánh không có hình thể phàm tục, bụi nhơ phiền não xưa nay không có tướng trạng, sao có thể dùng loại nước vật chất rửa thân vô vi? Chẳng có sự lý gì, làm sao ngộ đạo được? Nếu muốn cho thân được trong sạch nên quán thân này vốn do sự ham ăn uống không thanh tịnh mà sinh ra, đầy dẫy sự hôi thúi dơ bẩn từ trong ra ngoài. Nếu tẩy thân này cho sạch cũng như làm cho nó không còn trước khi nó được sạch. Nghiệm lý đó thì rõ sự tắm gội bên ngoài không phải là lời Phật dạy.

Hỏi: Kinh dạy rằng chí tâm niệm Phật thì sẽ được vãng sinh Tây phương tịnh độ. Đó là một cánh cửa dẫn đến thành Phật, sao lại quán tâm để cầu giải thoát?

Đáp: Phạm niệm Phật tức là thực hành chánh niệm. Hiểu nghĩa là chánh, không hiểu nghĩa là tà. Chánh niệm thì được vãng sinh, tà niệm làm sao đến được bên đó? Phật tức là giác, là biết rõ thân tâm, không để cho việc ác khởi dậy. Niệm tức là nhớ, là nhớ giữ giới hạnh không hư dối, tinh tấn siêng năng. Đó gọi là niệm. Nên biết niệm tại tâm không niệm nơi lời. Dùng nơm bắt cá, được cá quên nơm, dùng lời cầu ý, được ý quên lời.

Đã gọi là niệm danh hiệu Phật thì phải hiểu đạo lý niệm Phật. Nếu tâm không thật thì miệng chỉ là tụng danh hiệu rỗng, ba độc vẫn đến từ bên trong, nhân ngã đầy trong trí nhớ, theo tâm vô minh không thấy được Phật, chỉ là phí công. Vả tụng và niệm nghĩa lý riêng biệt, tại lời thì là tụng, tại tâm là niệm. Niệm từ tâm mà khởi gọi là cửa vào giác ngộ, tụng là ở nơi miệng tức là tướng âm thanh. Bám vào tướng mà cầu lý rốt chẳng được gì. Cho nên biết rằng các vị Thánh trong thời quá khứ tu hành đều không nói bên ngoài mà chỉ tìm tâm. Tâm là nguồn của mọi thiện, tâm là chủ của vạn đức. Niết Bàn thường vui là do sự dừng nghỉ của tâm mà sinh, ba cõi luân hồi theo tâm mà khởi. Tâm là cửa ngõ của hết thảy, tâm là bến bờ của giải thoát. Biết cửa ngõ đâu còn lo khó thành tựu, biết bến bờ đâu có sợ không đến chốn.

Riêng người ngày nay hiểu biết nông cạn, chỉ biết sự tướng là công đức, phụng phí tài bảo, làm hại dưới nước trên cạn, vọng tạo tượng tháp, thúc dục nhân phu, thầu thập gỗ, gạch, sơn xanh vẽ lục. Dốc hết tâm sức, hại mình mê người, không biết xấu hổ, làm sao giác ngộ được? Thấy biết việc hữu vi rồi ưa thích và vướng mắc vào đó, nghe nói đến vô tướng (15) thì ngây ngất như mê, ham bng từ nhỏ trong hiện thế, không biết cái khổ lớn trong tương lai. Tu học theo cách đó chỉ tự làm khổ, chuyển chính theo tà, nói dối là tạo phúc.

Chỉ thu tâm soi rọi vào bên trong, soi xét sự sáng bên ngoài, trừ ba độc làm cho vĩnh viễn tiêu vong, đóng sáu thức không để cho quấy rối, tự nhiên các loại công đức vi diệu thường còn đều được trang nghiêm, vô số pháp môn thảy đều thành tựu, vượt phạm chúng Thánh, tự có không xa (không cần nhọc sức), ngộ trong chốn lạt, đâu cần nhọc cạo đầu. Cánh cửa chân lý ẩn kín khó thể tỏ bày được hết, lược thuật về phần pháp môn quán tâm để tỏ rõ sự vi diệu.

### **Chú thích:**

(1) Giả duyên: Duyên có nghĩa là nương nhờ. Giả duyên là nương nhờ nhau một cách giả tạo. Mọi sự vật tồn tại không thực mà chỉ là sự hòa hợp giả tạo.

(2) Niết Bàn: (Nirvana) Trạng thái tịnh diệt, giải thoát.

(3) Chân Như: Thể tính chân thật không đổi. Tánh chân thật của các pháp là bất biến thường như gọi là Chân Như. Cũng là Tự Tánh, Pháp Thân, Thực Tướng, Pháp Giới.

(4) Sáu căn: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý.

(5) Sáu thức: Sáu nhận thức phân biệt tương ứng với sáu căn: Nhãn thức (sự biết của mắt), Nhĩ thức (sự biết của tai), Tỷ thức (sự biết của mũi), Thiệt thức (sự biết của lưỡi), Thân thức (sự biết của thân), Ý thức (sự biết thuộc phạm vi tinh thần).

(6) Tam tụ tịnh giới: Giới xuất gia, Giới tại gia, Giới cho cả xuất gia và tại gia (đạo tục cộng giới).

(7) Sáu đường (Lục đạo, lục thú): Chúng sanh khi chưa ra khỏi luân hồi, phải luân lưu trong sáu đường (đạo là đường, thú là chỗ hướng tới): Trời, Người, A Tu La, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

(8) Ba cõi (ba giới): Dục giới: chúng sanh cõi này sống trong tham dục, Sắc giới: chúng sanh cõi này có sắc thân nhưng không còn lòng tham dục, Vô sắc giới: Cõi chúng sanh chỉ sống bằng tinh thần.

(9) Pháp Thân: Bản thể thường còn tuyệt đối của mọi pháp, đồng nghĩa với Chân Như, Pháp Tánh, Thực Tướng..., là một trong ba thân của Phật (Pháp thân, Báo thân, Hóa thân).

(10) Vô Lậu (Không còn rỉ chảy): Mọi phiền não đều dứt sạch, hoàn toàn giải thoát.

(11) Tỳ Lô Giá Na Phật (Đại Nhật Như Lai): Pháp Thân Phật.

(12) A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề: Trí Tuệ tối thượng, Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

(13) Sáu tình (Lục tình): sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý).

(14) Bảy pháp: 1/ Không ham lợi dưỡng, 2/ Không ham tiếng tăm, trọng vọng, 3/ Không ham được ca tụng, đề cao, 4/ Biết hổ thẹn 5/ Sợ tội lỗi 6/ Ít tham muốn, 7/ Chánh biến tri.

(15) Vô tướng: vượt ngoài mọi hình tướng. Một tính chất của Niết Bàn.